

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

-----o0o-----

Số: 09.2022/HHA/CV

(V/v CBTT định kỳ: Báo cáo thường niên 2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----☪-----

TP.HCM, ngày 23 tháng 12 năm 2021

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: info@hunghau.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Quang Chính – Tổng Giám đốc
7. Nội dung công bố thông tin: **Báo cáo thường niên năm tài chính 2021.**
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: www.agri.hunghau.vn

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm tài chính 2021.

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



VŨ QUANG CHÍNH



2021

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

01

- 10 Thông tin khái quát
- 14 Quá trình hình thành và phát triển
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Giấy chứng nhận và thành tích tiêu biểu đạt được
- 22 Thông tin về mô hình quản trị
- 26 Định hướng phát triển
- 34 Các rủi ro

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

23

- 40 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021
- 46 Tổ chức và nhân sự
- 64 Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- 66 Tình hình tài chính
- 70 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

30

- 76 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- 78 Tình hình tài chính
- 80 Kế hoạch phát triển năm tài chính 2022

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

41

- 84 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 87 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 88 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG 5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

55

- 92 Định hướng phát triển bền vững
- 92 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

CHƯƠNG 6

QUẢN TRỊ CÔNG TY

61

- 98 Hội đồng quản trị
- 104 Ủy ban kiểm toán
- 104 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

CHƯƠNG 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021

68

 **HungHau Holdings**



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (SJ1)!

Lời đầu tiên, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời chúc sức khỏe và lời cảm ơn chân thành nhất tới quý vị đã tin tưởng vào đội ngũ lãnh đạo, nhân viên trong Công ty. Năm 2021 là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nói riêng. Từ đầu năm 2021 đến nay, đại dịch Covid - 19 với những biến chủng mới, lây lan nhanh hơn và nguy hiểm hơn, đã và đang tiếp tục diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội nước ta, đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân và công nhân, ảnh hưởng đến kinh tế thế giới và Việt Nam. Vì thế, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cũng bị ảnh hưởng, và chịu những biến động, khó khăn và thách thức.

Kết thúc năm tài chính 2021, Công ty ghi nhận doanh thu là 1.121,4 tỷ đồng, tăng 4,79% so với năm tài chính 2020. Lợi nhuận là 12,79 tỷ đồng, giảm 31,57% so với cùng kỳ năm tài chính 2020. Mặc dù lợi nhuận giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng của dịch Covid - 19, song doanh nghiệp vẫn có những điểm sáng, tăng trưởng doanh thu và các thành tích đáng ghi nhận khác.

Đặc biệt, năm 2021 là năm đánh dấu với sự kiện 45 năm thành lập Công ty (1976 - 2021).

Trải qua chặng đường gần 45 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã khẳng định được giá trị tích cực thông qua việc nỗ lực đổi mới công nghệ, tích lũy bí quyết, nâng cao trình độ quản lý, năng lực cán bộ và tay nghề công nhân.

Bằng sự linh hoạt và sáng tạo, Hùng Hậu đã tạo được vị thế và chỗ đứng trên thị trường. Sản phẩm của Công ty có mặt tại các thị trường hầu hết các châu lục với hàng loạt sản phẩm đáp ứng từ nhu cầu người tiêu dùng năng động đến người tiêu dùng khó tính về chất lượng. Đạt được những kết quả như trên là nhờ sự chỉ đạo, điều hành hợp lý của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên.

Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên luôn nhận được sự quan tâm theo dõi, góp ý xây dựng của các quý cổ đông, của các cơ quan quản lý và lãnh đạo các địa phương. Đây là nguồn động viên quý báu, giúp cho lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình để không ngừng nỗ lực, đưa Công ty ngày càng phát triển, xứng đáng với niềm tin tưởng, sự kỳ vọng của quý cổ đông và các đối tác.

Một lần nữa, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban điều hành và toàn thể các cấp quản lý, nhân viên vì tất cả những gì đã thể hiện kiên cường trong năm tài chính 2021 đầy khó khăn và biến động này. Tôi cũng xin tri ân đến quý khách hàng đối tác cổ đông vì sự tin tưởng, ủng hộ, hợp tác và đồng hành trong suốt quá trình kinh doanh của Công ty, cùng nhau vượt qua những khó khăn trong đại dịch Covid.

Mong rằng tất cả chúng ta tiếp tục mạnh mẽ để vượt qua dịch bệnh, an toàn và từng bước phục hồi kinh tế. Tôi tin rằng, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu sẽ tiếp tục tạo ra các giá trị to lớn hơn, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành thủy sản Việt Nam nói riêng và toàn xã hội nói chung.

Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

TƯ THANH PHỤNG



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- ĐHCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- TGD: Tổng Giám đốc
- TV: Thành viên
- GTGT: Giá trị gia tăng
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- CBNV: Cán bộ nhân viên
- TP. HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- KCN: Khu Công nghiệp
- FTA: Hiệp định thương mại tự do
- EVFTA: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU
- UKVFA: Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh
- RCEP: Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
- CPTPP: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
- VASEP: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản
- HĐKD: Hoạt động kinh doanh
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- VCSH: Vốn chủ sở hữu
- DTT: Doanh thu thuần
- LNG: Lợi nhuận gộp
- LNST: Lợi nhuận sau thuế
- R&D: Nghiên cứu và Phát triển

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Giấy chứng nhận và thành tích tiêu biểu đạt được

Thông tin về mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

| | |
|---|---|
| Tên tiếng Anh | : Hung Hau Agricultural Corporation |
| Mã chứng khoán | : SJ1 |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số | : 0302047389 đăng ký lần đầu ngày 10/07/2000 và thay đổi lần thứ 24 vào ngày 28/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. |
| Vốn điều lệ | : 221.560.600.000 đồng |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | : 221.560.600.000 đồng |

| | |
|---------------|--|
| Số điện thoại | : (028) 3974 1135 - (028) 3974 1136 |
| Số fax | : (028) 3974 1280 |
| Website | : www.agri.hunghau.vn |
| Trụ sở chính | : 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh |

Logo



THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Tầm nhìn

Là doanh nghiệp hàng đầu trong chế biến hàng giá trị gia tăng của ngành thủy hải sản Việt Nam, CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu tự tin sẽ tiếp tục phát triển bền vững trong tương lai. Để luôn tiên phong trong việc tạo ra các sản phẩm mới có chất lượng cao, Công ty không ngừng đổi mới hệ thống quản trị và kiến toàn đội ngũ nhân sự.



Sứ mệnh

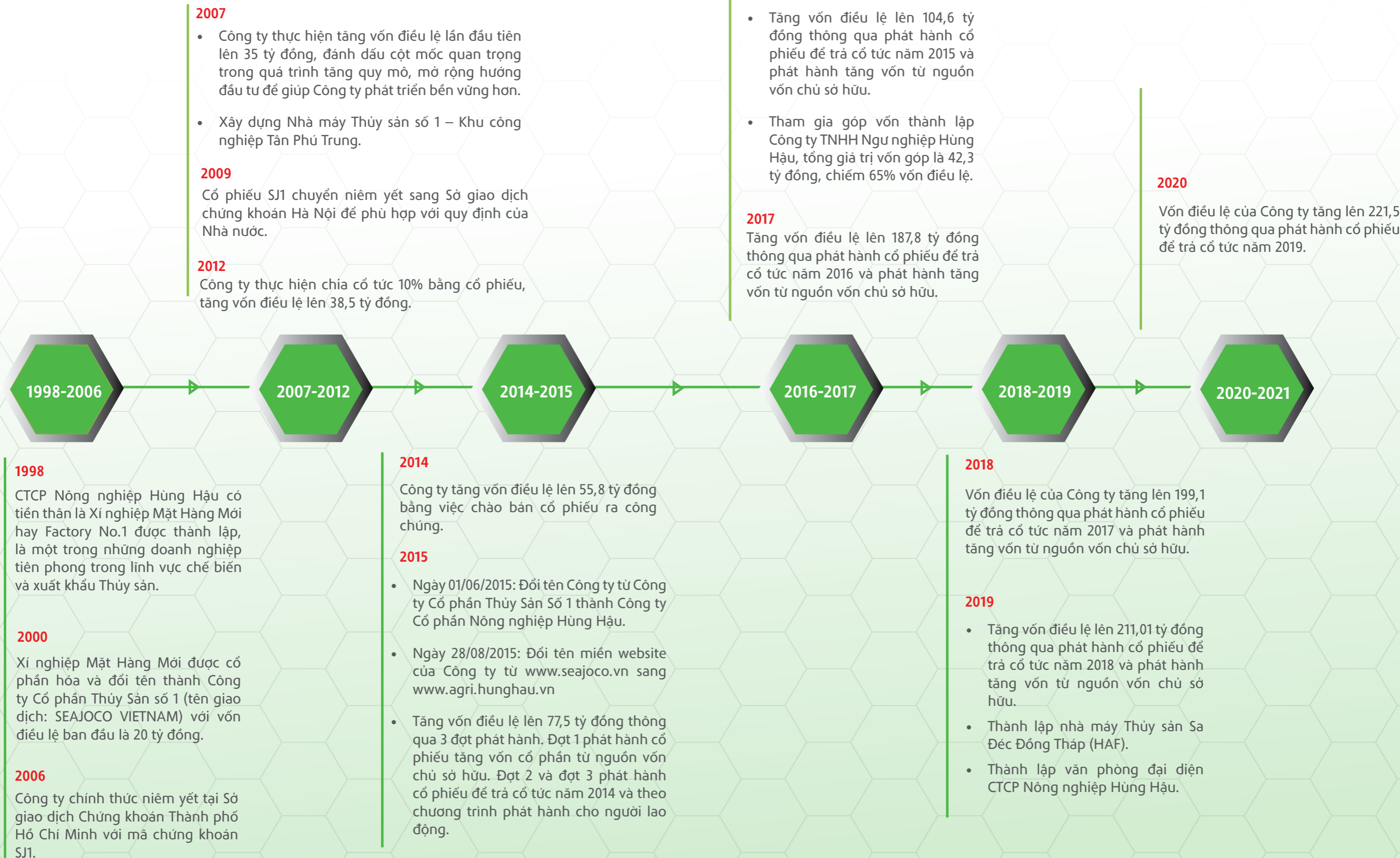
Công ty cung ứng cho thị trường các sản phẩm mang tính đột phá về phong cách, sáng tạo về ý tưởng, đa dạng về chủng loại; luôn đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và khách hàng; chú trọng chăm lo đời sống cho người lao động và trách nhiệm xã hội với cộng đồng.

Giá trị cốt lõi

Tôn trọng quá khứ, tự tin trong hiện tại, vững bước tiến đến tương lai. Đây chính là giá trị nền tảng giúp Công ty luôn được cổ đông tin tưởng, đối tác tin nhiệm và người lao động gắn bó lâu dài.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn tổng hợp;
- Lắp đặt công trình hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Lắp đặt công trình điều hòa không khí;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).



ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI:

Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, sản phẩm của Công ty cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu đã có mặt hầu hết tại các thị trường trong và ngoài nước, với hàng loạt các sản phẩm đáp ứng từ nhu cầu người tiêu dùng năng động đến người tiêu dùng có yêu cầu khó tính nhất về chất lượng và dinh dưỡng sản phẩm. Có thể kể đến các thị trường xuất khẩu hàng đầu là Châu Âu (Pháp, Bỉ, Hà Lan,...), Nhật Bản, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan, các tiểu Vương quốc Ả Rập...

Hệ thống phân phối

Sản phẩm của Công ty là sản phẩm thuộc dòng cao cấp chuyên cung cấp thị trường thông qua hệ thống nhà hàng, siêu thị uy tín. Tại thị trường trong nước, Sản phẩm Seajoco đã đến tay người tiêu dùng qua thương hiệu của Pizzahut Việt Nam, Lotteria Việt Nam, Nhà hàng Thai Express, Nhà hàng Xien Que, BBQ Việt Nam, Metro, Lotte mart, v.v... Cùng với đó, sản phẩm chế biến thủy sản mang thương hiệu Hùng Hậu cũng dần có mặt tại các thị trường xuất khẩu lớn trên thế giới và ngày càng mở rộng đối tượng khách hàng tiêu dùng.

CÁC CHỨNG NHẬN VÀ THÀNH TÍCH

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 22000, tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu BRC, HALAL trên cơ sở áp dụng HACCP, ISSOP-GMP. Công ty được phép xuất khẩu sản phẩm vào thị trường Châu Âu với mã code DL01 và DL157.



Chứng nhận ISO 22000:2005:

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống an toàn thực phẩm do Ủy ban kỹ thuật ISO/TC 34 ban hành.

Chứng nhận HALAL:

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của cộng đồng các nước Hồi giáo HALAL.

Chứng nhận HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Point):

Hệ thống phân tích, xác định và tổ chức kiểm soát các mối nguy hiểm trọng yếu trong quá trình sản xuất và chế biến thực phẩm.

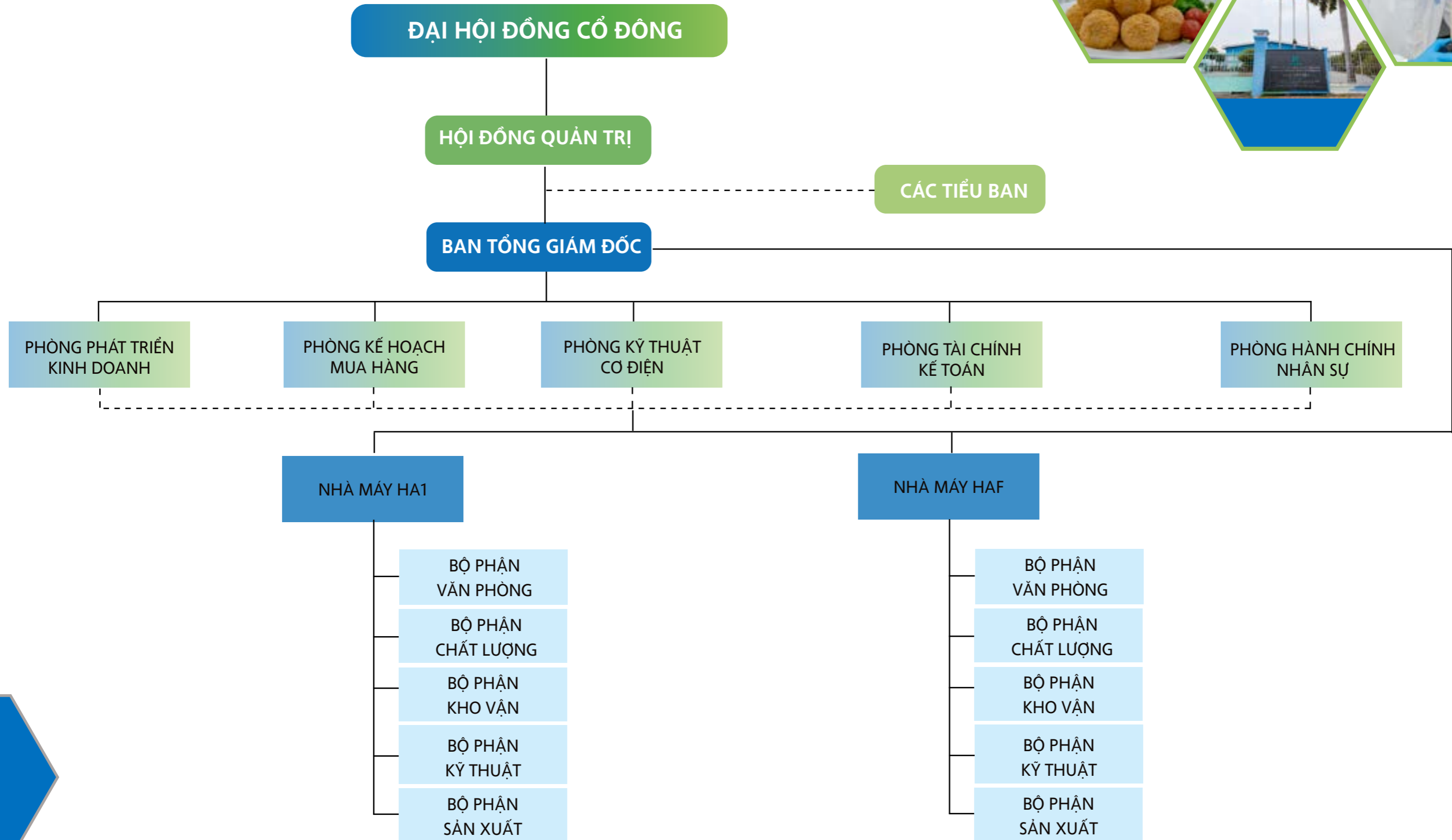
Chứng nhận BRC (British Retail Consortium):

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu.

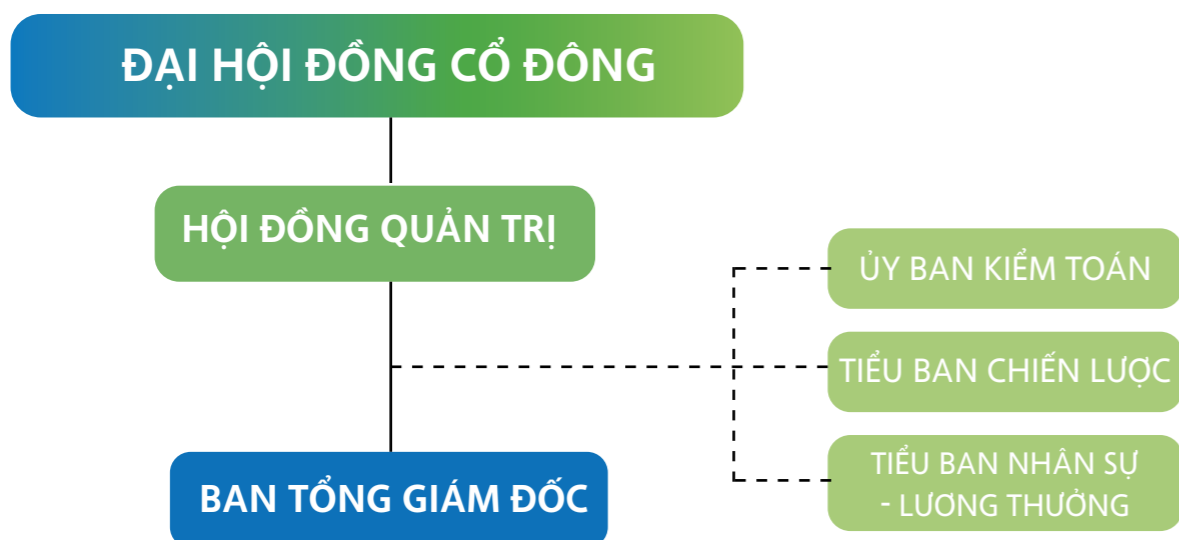
| Thời gian | Thành tích, bằng khen |
|----------------------|--|
| Năm 1992 | Công ty vinh dự nhận Huân chương lao động hạng II vì thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh từ 1987 – 1991. |
| Năm 1998 | Công ty vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng I vì thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1993 - 1997. |
| Năm 2002 - 2008 | Công đoàn Công ty vinh dự nhận được cờ thi đua cùng bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho Phong trào Phụ nữ 2 giỏi "Giỏi việc nước – Đảm việc nhà". |
| Năm 2004, 2005, 2007 | Huy chương vàng Hội chợ Vietfish. |
| Năm 2006 | Cúp vàng thương hiệu hội nhập. Đạt thành tích cao trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động" 10 năm (1996 – 2006). |
| Năm 2003 - 2012 | Nhận được cờ thi đua và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì thành tích Xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh. |
| Năm 2013 | Nhận bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh. |
| Năm 2014 | Nhận bằng khen của Ban Chấp hành Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cho đơn vị có Thỏa ước lao động tập thể chất lượng cao và Cờ Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể. |
| Năm 2015 | Nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt ngày 04/10/2015. |
| Năm 2015 | Nhận cờ Công đoàn ngành do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng cho tập thể Công đoàn Công ty. |
| Năm 2016 | Ngày 29/7/2016, Công ty được vinh danh trong TOP 30 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016 tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên 2016 (ARA 2016) do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp tổ chức. Ngày 05/9/2016, Công ty được nhận giải: "AEC Priority Intergration Sector Excellence Awards" của Asean Business Advisory Council. Ngày 06/12/2016, Công ty vinh dự nhận được danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2015". |
| Năm 2018 | Ngày 01/12/2018 Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao – Chuẩn hội nhập". |
| Năm 2020 | Tháng 02/2020 và tháng 06/2020, Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Người tiêu dùng bình chọn. Ngày 01/07/2020, Công đoàn Cơ sở Công ty được Ban Chấp hành Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trao tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước góp phần xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, giai đoạn 2015 – 2020. Ngày 12/08/2020, Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Người tiêu dùng bình chọn (ngành hàng Thực phẩm). |
| Năm 2021 | Tháng 5/2021, Ban Chấp hành Tổng liên đoàn Việt Nam tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Giỏi việc nước, Đảm việc nhà" năm 2020 của Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. |

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Mô hình quản trị Công ty

Ngày 28/12/2019, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc thay đổi cơ cấu quản trị Công ty. Theo đó, Công ty hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát, thay vào đó là các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Nghị quyết 08.2022 đã đổi tên Tiểu ban Kiểm toán thành Ủy ban kiểm toán.

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm:

- Ủy ban Kiểm toán
- Tiểu ban Chiến lược
- Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng.

Công ty hoạt động với loại hình công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT

Công ty con: Công ty TNHH Ngu nghiệp Hùng Hậu

Địa chỉ: Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản...

Tỷ lệ có quyền biểu quyết: 65%

Công ty liên kết: Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc

Địa chỉ: Lô CV-2, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Ngành nghề kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa...

Tỷ lệ có quyền biểu quyết: 30%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Với khát vọng trở thành doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất hàng giá trị gia tăng thủy sản tại Việt Nam, vươn ra thị trường toàn cầu, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế cho thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, thì tiêu chí cốt lõi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu là “Chất lượng sản phẩm”. Do đó, Công ty không ngừng nỗ lực phấn đấu, áp dụng các phương pháp kỹ thuật chặt chẽ từ khâu sản xuất, chế biến đến đóng gói thành phẩm, nhằm cung cấp đến tay người tiêu dùng những sản phẩm an toàn, chất lượng và mang lại giá trị dinh dưỡng cao nhất.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Chiến lược kinh doanh:

- Sản phẩm của Nông nghiệp Hùng Hậu phục vụ cho cả thị trường nội địa lẫn thị trường quốc tế. Tiêu chuẩn chất lượng, nhu cầu và khẩu vị của từng thị trường, từng đối tượng tiêu dùng đều khác nhau. Vì vậy, Công ty luôn tập trung đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, phát triển đa dạng các dòng sản phẩm phù hợp cho từng đối tượng khách hàng thông qua nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm và chuyên môn. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng tìm kiếm, lựa chọn và thu mua nguồn nguyên, phụ liệu trong và ngoài nước, đảm bảo chất lượng, uy tín nhằm mang đến các sản phẩm tươi ngon, giàu dinh dưỡng cho người tiêu dùng. Bởi Công ty tin rằng nguyên liệu đầu vào là cốt lõi, tinh hoa của sản phẩm thành phẩm.
- Đồng thời, Công ty cũng thúc đẩy các chiến lược quảng bá, tiếp thị sản phẩm thông qua các kênh truyền thông điện tử nhằm đưa thương hiệu sản phẩm Hùng Hậu gần hơn đến người tiêu dùng.

Hoạt động xuất khẩu:

- Xuất khẩu đang được kỳ vọng nhờ các FTA mới bên cạnh EVFTA và các hợp tác thương mại song phương, đa phương khác, chẳng hạn như UKVFTA ký tháng 11-2020. Trong năm tài chính 2022, Công ty tiếp tục mở rộng thị trường và xuất khẩu các sản phẩm chủ lực tới các thị trường giá trị gia tăng cao bởi các Hiệp định thương mại giữa Việt Nam và các khu vực kinh tế có hiệu lực (CPTPP, EVFTA, RCEP, UKVFTA..) với các ưu đãi về thuế quan và hạn ngạch. Đây là các thị trường tiêu dùng các sản phẩm cao cấp với giá bán cao, nhưng yêu cầu khắt khe về chất lượng. Vì thế, Công ty liên tục nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Bên cạnh đó, Công ty định hướng tập trung về nghiên cứu và phát triển (R&D) đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng trong nước và các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng. Đồng thời để tăng cường nhận diện thương hiệu, logo Hùng Hậu luôn được thể hiện trên các bao bì xuất khẩu. Ngoài ra, việc hoạt động liên kết với các đối tác có hệ thống phân phối lớn cũng được Công ty chú trọng đẩy mạnh.



Chả giò hải sản hạt sen
Lotus seafood spring roll

Bánh kadaif tôm
Shrimp potato kadaif

Tôm
Breaded

Shrimp
Breaded

Crab
Breaded

Khoai tây
Potato

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Hoạt động kinh doanh nội địa:

- Hiện nay, nhu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao, các sản phẩm trên thị trường ngày càng đa dạng. Đại dịch Covid - 19 đã gây ra những ảnh hưởng đến hành vi và thói quen tiêu dùng của người dân cho những sản phẩm đóng gói, và sự bùng nổ về tiêu dùng online. Vì vậy, Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục có những kế hoạch rõ ràng cho việc khảo sát, tìm hiểu thị trường, tìm hiểu khách hàng để khai thác thêm những khách hàng tiềm năng, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Ngoài ra, Công ty cũng chủ động tìm kiếm, thu mua nguồn nguyên phụ liệu có chất lượng nhằm kiểm soát tốt các tiêu chuẩn chế biến thủy hải sản, đảm bảo được sự tươi ngon, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Công ty cũng đẩy mạnh xây dựng hệ thống quảng bá thương hiệu, sản phẩm và tiếp cận với thị trường thông qua các mạng lưới thông tin đại chúng nhằm nâng cao giá trị của Công ty.

Tài chính:

- Với phương châm Duy trì sự ổn định và bền vững tình hình tài chính, Công ty có các chính sách tài chính phù hợp, ổn định dòng tiền, để đảm bảo quá trình hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư tài chính.
- Ngoài ra, Công ty chú trọng trong việc xây dựng niềm tin để huy động vốn đầu tư hiệu quả, mở rộng quy mô, mở rộng hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển.

Nhân sự:

- Để công nhân viên phát huy tối đa năng lực chuyên môn, năng lực lao động và khả năng sáng tạo của mình, Công ty đã và đang cố gắng xây dựng một môi trường làm việc năng động, công bằng, chuyên nghiệp, sáng tạo và nhân văn, để mỗi người lao động đều cảm thấy là một phần gắn kết của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Vận dụng và phát triển hệ thống phân phối để mở rộng thị trường các sản phẩm, giúp tối ưu hóa các chi phí bán hàng, mang lại tăng trưởng cho Công ty.
- Đầu tư vào R&D là xu hướng tất yếu của các công ty Nông nghiệp và Thực phẩm lớn trên thế giới để đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh dài hạn. Vì thế, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu chú trọng đầu tư vào R&D để phát triển các sản phẩm mới có giá trị cao, an toàn, và truy xuất nguồn gốc.
- Đảm bảo về chất lượng sản phẩm, đáp ứng được các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nhà nhập khẩu cũng như thị hiếu tiêu dùng của thị trường nội địa và quốc tế.
- Quảng bá thương hiệu trên nhiều vùng địa bàn thị trường khắp cả nước.
- Tập trung từng bước xây dựng mạng lưới liên kết chặt chẽ với các vùng nuôi trồng công nghiệp áp dụng công nghệ cao để vừa đảm bảo về chất lượng và sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu đầu vào.
- Chủ động tham gia vào chuỗi, xây dựng giá trị gia tăng trên từng khâu của chuỗi liên kết (Công ty với Vùng nuôi – Ngân hàng – Nhà máy chế biến thức ăn, con giống...).
- Quy hoạch sản xuất tập trung nhằm nâng cao chất lượng và sản lượng các sản phẩm chủ lực.
- Nghiên cứu, phân tích, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để tăng hiệu quả hoạt động. Tìm kiếm cơ hội để đầu tư, xây dựng nhà máy mới tại vùng có lợi thế về nguyên liệu, lao động và chính sách.
- Tăng cường mở rộng, hợp tác tích cực trong sản xuất kinh doanh với công ty con và các công ty khác.



Mục tiêu đối với

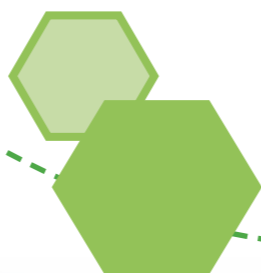
Môi trường, xã hội và cộng đồng



Với chiến lược phát triển bền vững, Công ty thiết lập những mục tiêu về kinh tế, tăng trưởng gắn liền với mục tiêu về môi trường- xã hội trong ngắn hạn và dài hạn. Đây được xem là những nhiệm vụ không thể tách rời để Công ty khẳng định vị thế, nâng cao uy tín và góp phần nâng tầm ngành thủy sản Việt Nam.

- Củng cố và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm từ nguyên liệu đầu vào, khâu sản xuất, chế biến đến khâu phân phối, trong đó nhấn mạnh tiêu chí an toàn, chất lượng và dinh dưỡng.
- Từng bước cải tiến áp dụng công nghệ hiện đại, an toàn và thân thiện với môi trường.
- Tham gia vào các hoạt động thúc đẩy phát triển bền vững để đưa ra các sáng kiến, hợp tác và triển khai các dự án môi trường và cộng đồng, chia sẻ giá trị vật chất cũng như tinh thần đối với những hoàn cảnh khó khăn.

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Năm 2021 là một năm đầy biến động và khó khăn không chỉ đối với nền kinh tế nước ta mà toàn thế giới do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19. Trong những tháng đầu năm, kinh tế vĩ mô nước ta tiếp tục ổn định và bắt đầu khởi sắc. Tuy nhiên, bắt đầu từ cuối tháng tư với biến chứng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm, diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo Tổng cục Thống kê 9 tháng năm 2021, tổng sản phẩm trong nước (GDP) chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid - 19, ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông- lâm thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52%. Nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh, làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất – chế biến – tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản. Trước những khó khăn, thách thức, ngành thủy sản đã có nhiều giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả, thể hiện vai trò bệ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch.

Trong bối cảnh dịch Covid - 19 với biến chứng mới và diễn biến phức tạp, tuy không phải là mức tăng trưởng cao nhưng nền kinh tế vẫn giữ được mức ổn định dương, đảm bảo được an sinh xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định. Mặc dù vậy, ngành chế biến thủy sản là một trong những ngành nghề chịu ảnh hưởng nghiêm trọng. Vì nhiều công ty, xí nghiệp chế biến các mặt hàng ... đã tạm dừng hoạt động, hoặc cầm chừng do thiếu hụt nguyên liệu và lực lượng lao động, bởi tâm lý công nhân còn lo sợ dịch Covid - 19 lây lan nên chưa vào làm nhà máy nhiều, ảnh hưởng đến quy trình sản xuất. Với những biện pháp kiểm soát dịch của Chính phủ, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước nhằm quyết tâm đạt mục tiêu kinh tế – xã hội năm 2021 cao nhất có thể.

Ngoài ra, Hiệp định RCEP chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 sẽ giúp tạo lập một thị trường xuất khẩu ổn định, lâu dài cho các nước ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng. Qua đó cũng khẳng định vai trò và vị thế của Việt Nam trong khu vực, góp phần thúc đẩy việc thực hiện chính sách xây dựng nền sản xuất định hướng xuất khẩu của Việt Nam. Đây là cơ hội tốt cho các Doanh nghiệp ngành thủy sản nói chung và Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nói riêng, để mở rộng và gia tăng thị phần của mình, góp phần cung ứng khu vực và phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid - 19.

Rủi ro tỷ giá

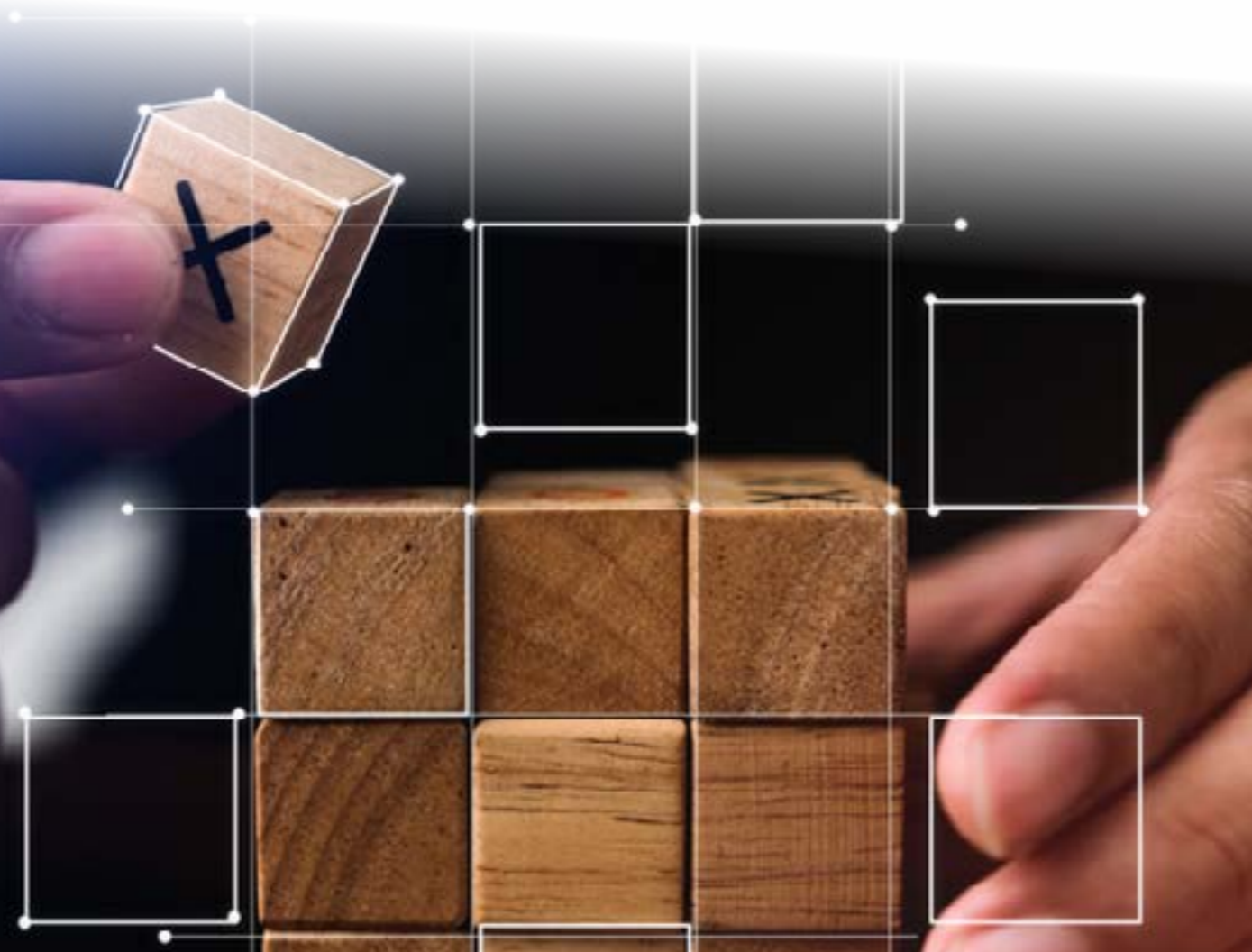
Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu, có hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu sản phẩm thủy hải sản chế biến. Do vậy, Công ty phải chịu rất nhiều sự ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái, đặc biệt là sự biến động của đồng USD. Ngoài việc cung cấp sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước, SJ1 còn xuất khẩu sang các nước như EU, Mỹ,... Do đó, biến động mạnh mẽ về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty. Để hạn chế rủi ro thấp nhất, Công ty luôn quan tâm đến biến động tỷ giá để có các chính sách phù hợp nâng cao lợi nhuận hoạt động kinh doanh.



Rủi ro pháp lí

Là một doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và đã niêm yết cổ phiếu tại sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan. Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam những năm gần đây với nhiều chuyển biến mạnh mẽ như: từng bước hội nhập với thị trường thế giới, đặc biệt là Việt Nam tham gia vào các hiệp định thương mại như EVFTA, Hiệp định RCEP từ ngày 01/01/2022,... mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam nói chung cũng như Công ty trong ngành xuất khẩu thủy hải sản nói riêng. Chính vì thế, để tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp trong nước thì hệ thống pháp luật Việt Nam đang ngày một hoàn thiện hơn với những cơ chế chặt chẽ, rõ ràng, minh bạch.

Vì vậy đòi hỏi Công ty phải luôn có các bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của Công ty sao cho không vi phạm các quy định của pháp luật.



CÁC RỦI RO

Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Mặc dù nước ta đã xuất khẩu các sản phẩm thủy hải sản trên thị trường quốc tế trong thời gian dài, tuy nhiên các mặt hàng này cũng chỉ có cá, tôm, mực, các sản phẩm đông lạnh hay khô đá, đã qua chế biến,... các mặt hàng cao cấp như cá ngừ, bào ngư,... được bổ sung thêm vẫn chưa thể đáp ứng đủ cho thị trường tiêu dùng quốc tế.

Bên cạnh đó, thủy sản Việt Nam chủ yếu là ngành hàng xuất khẩu, do đó chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình tiêu thụ tại các thị trường quốc tế. Việc giãn cách xã hội trong giai đoạn dịch Covid - 19 bùng phát đỉnh điểm cũng khiến hoạt động của nhà máy và công nhân viên bị đình trệ, trong khi đó, doanh nghiệp vẫn phải chịu gánh nặng các chi phí quản lý, chi phí điện, nước, tiền lương nhân công, chi phí cước tàu tăng cao do ảnh hưởng từ tình hình thế giới. Quá trình vận chuyển khó khăn vì nhiều tàu bị trì hoãn.

Trước những tác động tiêu cực trên, Công ty đã có những biện pháp để gia tăng chất lượng, cũng như biện pháp kiểm soát an toàn dịch bệnh, điều chỉnh các chính sách kinh doanh để đảm bảo hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế thế giới, Chính phủ Việt Nam không ngừng đưa ra những chính sách khuyến khích nâng cao. Điều này dẫn đến cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp nội địa và các doanh nghiệp nước ngoài về cả giá cả lẫn chất lượng.

Các doanh nghiệp thủy sản trong nước cũng đang cạnh tranh khốc liệt. Ngoài ra, Công ty đang phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp nước ngoài như Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ,... khi mặt hàng giá rẻ liên tục tràn vào, với ưu thế hơn chất lượng sản phẩm cũng như giá thành sản xuất.

Chính vì thế, Công ty luôn không ngừng nâng cao năng lực nuôi trồng đến khâu chế biến,... đổi mới công nghệ và phát triển chất lượng sản phẩm ngày càng hoàn thiện để duy trì và nâng cao vị thế. Thêm vào đó là thúc đẩy nguồn cung để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào chủ động nhằm gia tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.

Rủi ro khác

Bên cạnh các vấn đề tồn tại của nền kinh tế, các rủi ro khác như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, rủi ro cháy nổ cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và chế biến thủy hải sản, nông sản.

Trong những năm gần đây, tình hình biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, khó dự báo, có xu hướng tiêu cực gây ra nhiều thiệt hại cho các diện tích nuôi trồng thủy sản.

Vì vậy, nhằm hạn chế và phòng ngừa về các rủi ro này, Công ty luôn theo dõi và kịp thời nắm bắt các thông tin để đưa ra các biện pháp tối ưu.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

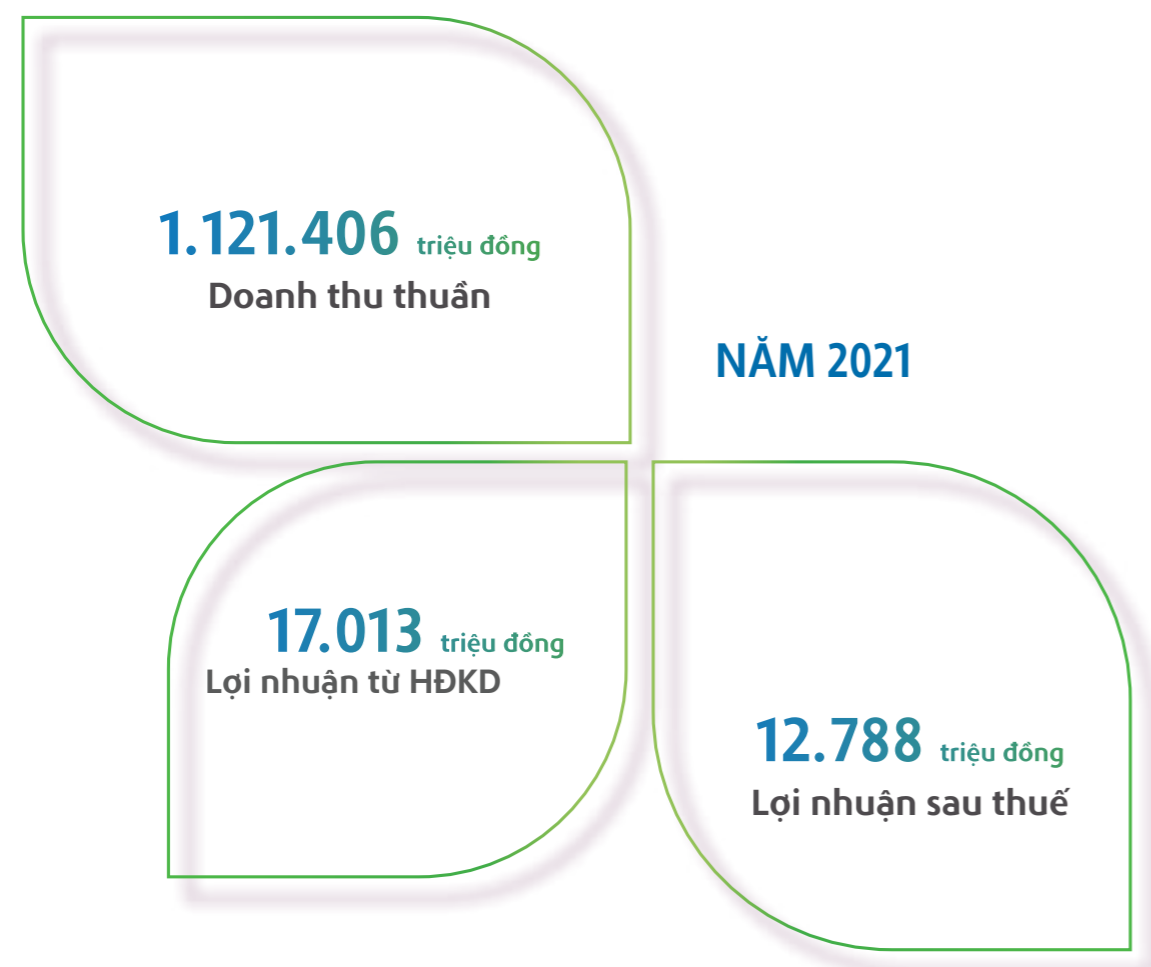
Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| Chi tiêu | ĐVT | 01/10/2019-30/09/2020 | 01/10/2020-30/09/2021 | 2021/2020 (%) |
|----------------------|------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| Doanh thu thuần | Triệu đồng | 1.071.125 | 1.121.406 | 104,69% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | Triệu đồng | 23.058 | 17.013 | 73,78% |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 23.714 | 16.203 | 68,33% |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 18.695 | 12.788 | 68,84% |

Ngay từ đầu năm 2021, thời tiết tương đối thuận lợi cho các hoạt động sản xuất nông thủy sản. Tuy nhiên, bắt đầu từ tháng 7,8,9, do dịch Covid-19 khiến nhiều cảng cá, nhà máy chế biến thủy sản phải tạm đóng cửa do có ca F0 hoặc không đáp ứng điều kiện "03 tại chỗ", 04 chuỗi cung ứng bị đứt gãy dẫn đến giá trị sản xuất lĩnh vực thủy sản quý III/2021 giảm 4,8% so với quý III/2020 (là quý III có tốc độ tăng thấp nhất từ năm 2015). Theo Tổng cục Thủy sản, tổng sản lượng thủy sản 9 tháng đầu năm 2021 ước đạt trên 6,38 triệu tấn, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể: sản lượng khai thác đạt trên 3,06 triệu tấn, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khai thác biển đạt trên 2,92 triệu tấn, tăng 0,8%. Sản lượng nuôi trồng thủy sản lũy kế 9 tháng ước đạt trên 3,32 triệu tấn, giảm 1,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá các loại ước đạt trên 2,22 triệu tấn, giảm 3,1% (cá tra đạt trên 1,0 triệu tấn, giảm 9,5%); sản lượng tôm các loại đạt 699,8 nghìn tấn, tăng 4,3% (tôm sú đạt 205,8 nghìn tấn, tăng 1,9%; tôm thẻ chân trắng đạt 462,8 nghìn tấn, tăng 5,6%). Tính chung đến 9 tháng năm nay, tổng kim ngạch xuất khẩu vẫn duy trì tốc độ tăng cao, đạt 483,17 tỷ USD, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 18,8%.

Trong năm tài chính 2021, trước tình hình kinh tế và thị trường có nhiều thách thức bởi ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 với nhiều biến thể mới, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã không ngừng lao động và sản xuất. Kết quả kinh doanh năm tài chính 2021 thể hiện sự nỗ lực rất lớn của Công ty. Tổng doanh thu của Công ty tăng nhẹ so với cùng kỳ (tăng 4,69%). Nguyên nhân là do doanh thu bán hàng Giá trị gia tăng đã có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực và đã phát triển 14 khách hàng mới, mang lại doanh thu cho Công ty. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của Công ty có sự sụt giảm so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do các chi phí tăng như Giá vốn hàng bán, chi phí tài chính và chi phí bán hàng tăng lần lượt là 6,10%, 1,02% và 9,31%. Trong năm, Công ty đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị, quảng bá sản phẩm qua các kênh thương mại điện tử nhằm mở rộng thị trường nên chi phí bán hàng tăng đáng kể. Bên cạnh đó, chi phí xuất khẩu tăng do cước tài xuất khẩu tăng và giá bán giảm cũng là nguyên nhân khiến lợi nhuận sau thuế giảm.

Để góp phần phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên tập trung nghiên cứu, sản xuất kinh doanh, đưa ra các sản phẩm mới phù hợp với từng thị trường, góp phần gia tăng lợi nhuận trong nước cũng như gia tăng xuất khẩu trong thời gian sắp tới.



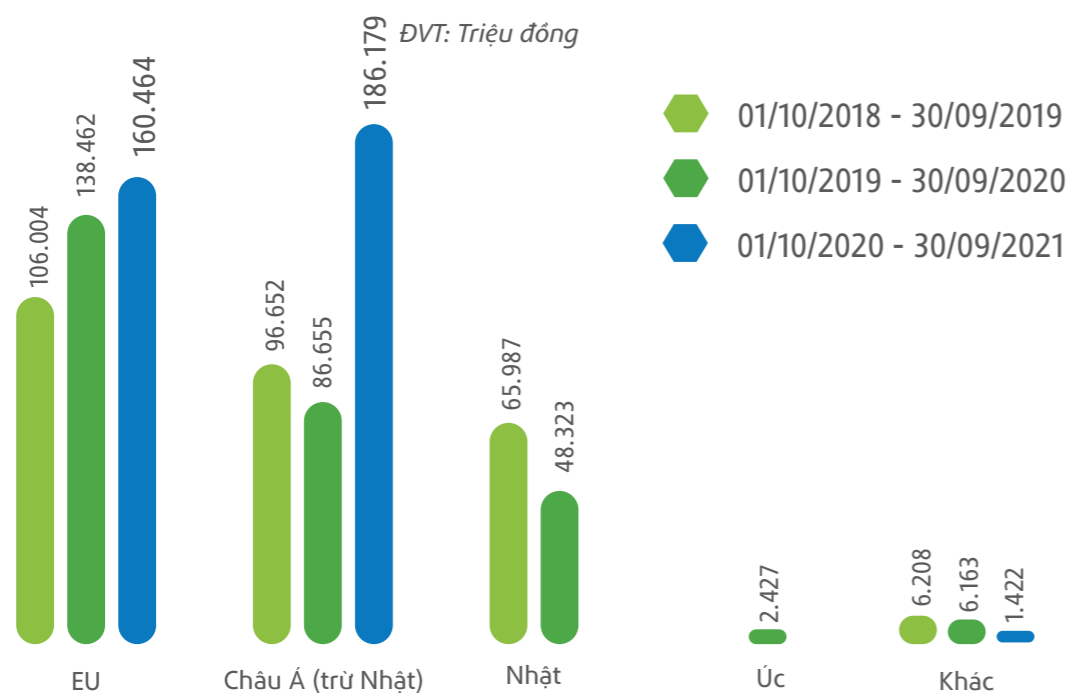
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu theo khu vực

ĐVT: triệu đồng

| Khoản mục | 01/10/2018 - 30/09/2019 | | 01/10/2019 - 30/09/2020 | | 01/10/2020 - 30/09/2021 | |
|--------------------------------------|-------------------------|---------------|-------------------------|---------------|-------------------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Doanh thu từ bán hàng nội địa | 833.366 | 75,03% | 791.522 | 73,90% | 773.341 | 68,96% |
| Doanh thu từ xuất khẩu | 277.278 | 24,97% | 279.603 | 26,10% | 348.065 | 31,04% |
| - EU | 106.004 | 9,54% | 138.462 | 12,93% | 160.464 | 14,31% |
| - Nhật | 65.987 | 5,94% | 48.323 | 4,51% | - | 0,00% |
| - Úc | 2.427 | 0,22% | - | 0,00% | - | 0,00% |
| - Châu Á (trừ Nhật) | 96.652 | 8,70% | 86.655 | 8,09% | 186.179 | 16,60% |
| - Khác | 6.208 | 0,56% | 6.163 | 0,58% | 1.422 | 0,13% |
| Tổng cộng | 1.110.644 | 100% | 1.071.125 | 100% | 1.121.406 | 100% |

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU THEO THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU



Doanh thu từ bán hàng nội địa vẫn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu của SJ1, với 68,96% tương đương với 773.341 triệu đồng. Năm 2021, Chính Phủ thực hiện giãn cách tại nhiều địa phương trên cả nước. Vì vậy, Công ty chuyển dịch cơ cấu từ bán hàng nội địa sang xuất khẩu, dẫn đến doanh thu từ bán hàng nội địa giảm so với cùng kì năm trước (giảm 4,94%).

Đối với thị trường trong nước, Công ty tiếp tục chiến lược tiếp thị sản phẩm qua các kênh thương mại điện tử, do nhu cầu của người dân trong thời kì giãn cách xã hội dần chuyển sang mua hàng online,... Bên cạnh đó, Công ty cũng đã triển khai chào hàng một số sản phẩm mới, phát triển hệ thống các siêu thị trên toàn quốc,... Việc Công ty cố gắng giữ vững thị phần tại thị trường nội địa sẽ góp phần tạo dựng uy tín, nâng cao thương hiệu trong mắt người dùng Việt Nam.

Đối với thị trường xuất khẩu, Công ty đã phát triển và mở rộng mạng lưới bán hàng, phát triển và tăng trưởng hàng thủy sản (cá tra) tại thị trường Nga và hàng Giá trị gia tăng tại Nhật Bản, Hàn Quốc và Châu Âu. Ngoài ra, đã phát sinh 2 thị trường mới là Dominica và Đài Loan. Điều này đã giúp cho doanh thu từ xuất khẩu của Công ty tăng so với cùng kì năm ngoái. Bên cạnh đó, tỷ trọng doanh thu bán hàng Giá trị gia tăng đã có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, trong đó thị trường trọng điểm như Nhật bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Châu Á chiếm 58%), Bỉ, Pháp, Hà Lan.... Vì vậy, doanh thu từ xuất khẩu sang Châu Á và EU tăng so với cùng kì, lần lượt đạt 186.179 triệu đồng và 160.464 triệu đồng và chiếm tỷ trọng tương ứng là 16,60% và 14,31% trong cơ cấu doanh thu xuất khẩu.

Nhìn chung, với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, tổng doanh thu của Công ty vẫn tăng trưởng. Đạt được điều này là nhờ vào trong năm Công ty duy trì mối quan hệ khách hàng thân thiết, đồng thời cùng sự nỗ lực để mở rộng thêm thị phần trong và ngoài nước, góp phần ổn định và tăng trưởng doanh thu cho Công ty.

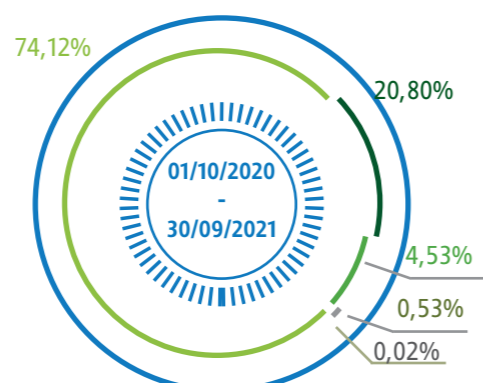
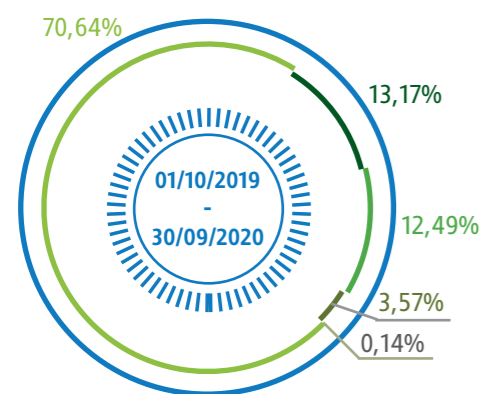


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu theo khu vực

ĐVT: triệu đồng

| Khoản mục | 01/10/2018 - 30/09/2019 | | 01/10/2019 - 30/09/2020 | | 01/10/2020 - 30/09/2021 | |
|------------------|-------------------------|--------------|-------------------------|--------------|-------------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| | Cá | 740.033 | 66,63% | 756.565 | 70,63% | 831.807 |
| Sản phẩm GTGT | 148.587 | 13,38% | 141.095 | 13,17% | 233.382 | 20,80% |
| Tôm | 173.215 | 15,60% | 133.740 | 12,49% | 50.782 | 4,53% |
| Mực | 45.052 | 4,06% | 38.278 | 3,97% | 5.925 | 0,53% |
| Ghẹ | 3.757 | 0,34% | 1.447 | 0,14% | 276 | 0,02% |
| Tổng cộng | 1.110.644 | 100% | 1.071.125 | 100% | 1.122.182 | 100% |



- Cá
- Sản phẩm GTGT

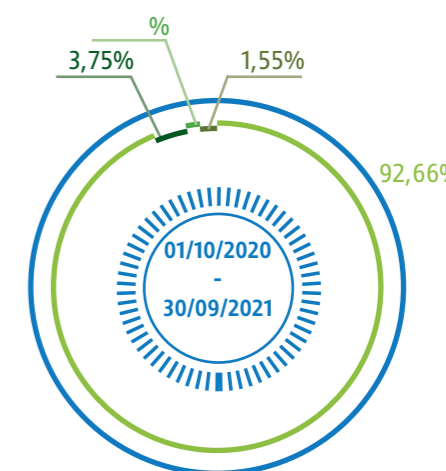
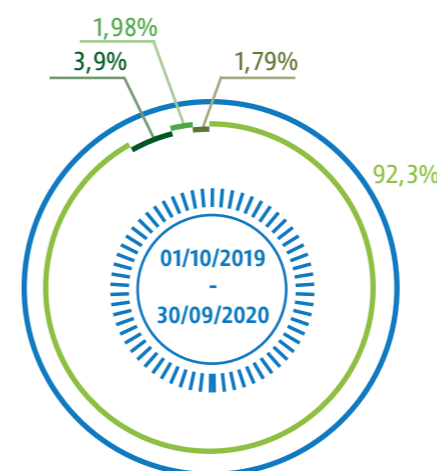
- Tôm
- Mực
- Ghẹ



Tình hình Chi phí

ĐVT: triệu đồng

| Khoản mục | 01/10/2018 - 30/09/2019 | | 01/10/2019 - 30/09/2020 | | 01/10/2020 - 30/09/2021 | |
|------------------------------|-------------------------|--------------|-------------------------|--------------|-------------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| | Giá vốn hàng bán | 1.014.713 | 93,48% | 969.880 | 92,30% | 1.029.040 |
| Chi phí tài chính | 39.155 | 3,61% | 41.202 | 3,92% | 41.622 | 3,75% |
| Chi phí bán hàng | 12.429 | 1,15% | 20.832 | 1,98% | 22.772 | 2,05% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 19.191 | 1,77% | 18.832 | 1,79% | 17.179 | 1,55% |
| Tổng Cộng | 1.085.488 | 100% | 1.050.746 | 100% | 1.110.613 | 100% |



- Giá vốn hàng bán
- Chi phí tài chính

- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------|----------------------------|
| 1 | Từ Thanh Phụng | Chủ tịch (*) | Thành viên không điều hành |
| 2 | Phan Thị Minh Nguyệt | Chủ tịch (**) | Thành viên không điều hành |
| 3 | Trần Thanh Hương | Phó chủ tịch (***) | Thành viên không điều hành |
| 4 | Tôn Thất Diên Khoa | Thành viên | Thành viên độc lập |
| 5 | Huỳnh Thanh | Thành viên | Thành viên không điều hành |
| 6 | Tống Văn Tùng | Thành viên | Thành viên điều hành |

(*): Bắt đầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 02/12/2021 đến nay

(**): Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 28/12/2019 đến 27/11/2021

(***): Giữ chức vụ Thành viên HĐQT từ ngày 15/12/2020- nay



Thông tin thành viên Hội đồng quản trị

Ông Từ Thanh Phụng

Chủ tịch HĐQT (Từ 02/12/2021- nay)

Thành viên HĐQT không điều hành



Năm sinh: 01/05/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1999 – 2007: Công tác tại Công ty CP Thủy sản Cửu Long.
- Từ 2007 – 2010: Học Thạc sĩ Tài chính – Kế toán tại Mỹ.
- Từ 2011 – 05/2014: Công tác tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2012 – 04/2014: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 04/2014 – 26/09/2017: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy sản số 1).
- Từ 6/2014 – 02/10/2017: Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 26/09/2017 – 14/01/2019: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 14/01/2019 – 02/12/2021: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 15/12/2020 - 02/12/2021: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 02/12/2021- nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu: Chủ tịch HĐQT, Thành viên Hội đồng Quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

- + Sở hữu cá nhân: 103.487 cổ phần phổ thông (chiếm 0,47% vốn điều lệ).
- + Đại diện sở hữu: 1.055.034 cổ phần (chiếm 5% vốn điều lệ).

Thông tin thành viên Hội đồng quản trị

Bà Phạm Thị Minh Nguyệt

Chủ tịch HĐQT
(Từ 28/12/2019 – 27/11/2021)



Năm sinh: 17/5/1983

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật học

Quá trình công tác:

- Từ 2006 đến 2007: Trợ lý GĐSX Công ty TNHH Tiếp thị ứng dụng Thông Thái
- Từ 2007 đến 2008: Tư vấn pháp lý Công ty TNHH Tư vấn & Quản lý Liên Hiệp Việt
- Từ 2008 đến 2013: Chuyên viên pháp chế Công ty TNHH Phần mềm Đông Nam Á
- Từ 2013 đến 2017:
 - + Chuyên viên pháp chế CTCP Phát triển Hùng Hậu
 - + Chuyên viên Văn phòng Chủ tịch HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu
 - + Giảng viên thỉnh giảng tại Trường ĐH Văn Hiến
 - + Chánh VP. Ban điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 11/2017 đến 01/5/2019:
 - + Phó Tổng GĐ CTCP Giáo dục Hùng Hậu
 - + Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến
- Từ 02/5/2019 đến nay: Giám đốc điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 28/12/2019 – 27/11/2021: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 02/12/2021- nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2021:

- + Sở hữu cá nhân: 59.047 cổ phần phổ thông (chiếm 0,27% vốn điều lệ).
- + Đại diện sở hữu: 2.375.936 cổ phần (chiếm 11,26% vốn điều lệ).

Ông Trần Thanh Hương

Phó Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT



Năm sinh: 27/09/1972

Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành Cơ khí ô tô; Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 02/1992 – 09/1995: Công nhân kỹ thuật Công ty Công trình thủy, Chi nhánh TP.HCM.
- Từ 09/1995 – 04/1999: Học đại học, Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Văn Lang.
- Từ 05/1999 – 12/2001: Nhân viên - Phó phòng - Trưởng phòng HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng tiêu dùng Bình Tân (Bitas).
- Từ 01/2002 – 12/2005: Trưởng phòng HCNS - Giám đốc HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Toàn Mỹ, Giám đốc Công ty TNHH SX-TM Toàn Mỹ - Hà Nội.
- Từ 01/2006 – 12/2006: Trưởng phòng Tổ chức Chính trị - Lao động tiền lương Công ty Viễn thông Quân đội Viettel Mobile.
- Từ 01/2007 – 12/2007: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Đất Quảng (Datkeys).
- Từ 01/2008 – 12/2009: Giám đốc Công ty TNHH Misawa.
- Từ 01/2010 – 03/2013: Giám đốc HCNS Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tân Bình.
- Từ 04/2013 – 07/2016: Phó Giám đốc HCNS - Giám đốc HCNS CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 08/2016 – 03/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu.
- Từ 03/2017 – 03/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu.
- Từ 03/05/2017 – 02/10/2017: Phó Tổng Giám đốc Thường trực CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản Số 1).
- Từ 02/10/2017 – 05/09/2019: Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản Số 1).
- Từ 28/12/2019 -15/12/2020: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 15/12/2020 - Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2021:

- + Sở hữu cá nhân: 53.797 cổ phần phổ thông (chiếm 0,24% vốn điều lệ).
- + Đại diện sở hữu: 1.784.332 cổ phần (chiếm 8,053% vốn điều lệ).

Thông tin thành viên Hội đồng quản trị

Ông Tôn Thất Diên Khoa

Thành viên HĐQT độc lập



Năm sinh: 07/06/1974

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- Từ 08/1995 – 10/1999: Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 11/1999 – 11/2000: Kiểm soát viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 12/2000 – 04/2004: Phó phòng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 05/2004 – 06/2006: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 07/2006 – Nay: Giám đốc Đầu tư tài chính – Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 03/2008 – Nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Vinaconex – ITC.
- 04/2018 - nay: TV HĐQT Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Bình Dương
- 04/2018 - nay: TV BKS Tổng công ty CP Bảo hiểm Bảo Long
- Từ 12/2019 – Nay: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên HĐQT độc lập

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

+Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).

+Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Bà Huỳnh Thanh

Thành viên HĐQT không điều hành



Năm sinh: 11/11/1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác:

- Từ 2001 – 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Mỹ Anh.
- Từ 2006 – 2012: Quản lý nhóm Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Đồng Khởi.
- Từ 2014 – 2018: Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- Từ 2015 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- Từ 12/2019 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 02/2020 - nay: Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu.

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên HĐQT không điều hành

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu; Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu.

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

+ Sở hữu cá nhân: 53.797 cổ phần (chiếm 0,24% vốn điều lệ).

+ Đại diện sở hữu: 844.027 cổ phần (chiếm 3,80% vốn điều lệ).

Thông tin thành viên Hội đồng quản trị

Ông Tống Văn Tùng

Thành viên HĐQT điều hành



Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính Ngân Hàng

Quá trình công tác:

- Từ 2002 – 2007: Tự kinh doanh.
- Từ 2008 – 2012: Học Đại học tại Trường Đại Học Văn Hiến.
- Từ 2013 – 02/2014: Làm việc tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 03/2014 – 08/2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy Sản Số 9.
- Từ 9/2015 – 10/2016: Phó Phòng Chuỗi Cung ứng Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 11/2016 – 04/2017: Giám Đốc Công ty TNHH Nha Mân.
- Từ 05/2017 - nay: Giám Đốc Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 05/2018 – 22/12/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- Từ 22/12/2020- nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

- + Sở hữu cá nhân: 1.297 cổ phần phổ thông (chiếm 0,006% vốn điều lệ).
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).

Thành viên Ban Điều hành

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-------------------|-------------------|
| 1 | Tống Văn Tùng | Tổng Giám đốc |
| 2 | Nguyễn Tú Kỳ | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 | Nguyễn Thị Nga | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Nguyễn Văn Dol | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 | Phạm Thị Bích Như | Kế toán trưởng |

* Sơ yếu lý lịch (SYLL) của ông Tống Văn Tùng: xem mục SYLL của Hội đồng quản trị



Thành viên Ban Điều hành

Ông Nguyễn Tú Kỳ

Phó Tổng Giám đốc



Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 02/2002 - 02/2006: Nhân viên QA; CV xây dựng HACCP, GMP, SSOP - Công ty Cổ phần Thủy sản Số 1.
- Từ 03/2006 - 10/2013: Phó phòng TC-HC; Trưởng phòng TC-HC - Công ty Cổ phần Thủy sản Số 1.
- Từ 11/2013 - 11/2015: Trưởng phòng TC-HC - Trường Đại học Văn Hiến.
- Từ 12/2015 - 03/2017: Phó Giám đốc Kiểm soát nội bộ - Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 2017 - 07/2018: Giám đốc Kế hoạch điều hành - Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 08/2018 - 07/2020: Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro - Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 08/2020 - 04/2021: Chủ nhiệm Văn phòng Ban Giám đốc Điều hành - Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 05/2021 - nay: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 6% vốn điều lệ).
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0 % vốn điều lệ).

Bà Nguyễn Thị Nga

Phó Tổng Giám đốc



Năm sinh: 1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 2005 – 2011: Học Đại học Bách Khoa- Hà Nội .
- Từ 2011 – 8/2015: Kế toán Chi nhánh Công ty TNHH Hùng Cá.
- Từ 08/2015 – 03/2016: Kế toán Quản trị Đại học Văn Hiến.
- Từ 04/2016 – 03/2017: Kế toán trưởng Công ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu.
- Từ 04/2017 – 03/2018: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2018 – 12/2020: Chuyên viên VP Chủ tịch Hội Đồng Quản trị.
- Từ 05/2021 - nay: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

- + Sở hữu cá nhân: 1.297 cổ phần phổ thông (chiếm 0.00585% vốn điều lệ).
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).

Thành viên Ban Điều hành

Ông Nguyễn Văn Dol



Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 20/05/1967

Trình độ chuyên môn: 12/12, Chuyên ngành: 25 năm kinh nghiệm nuôi trồng Thủy sản

Quá trình công tác:

- Năm 2014 – Nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Vận chuyển Tấn Phúc
- Năm 2015-2016: Giám đốc Nhân sự - Công ty TNHH Hùng Cá
- Năm 2016 – 2019: Phụ trách Vùng Nuôi – Công ty TNHH Hùng Cá.
- Từ 08/05/2020 - Nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Bà Phạm Thị Bích Như



Kế toán trưởng

Năm sinh: 14/02/1989

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính

Quá trình công tác:

- Từ 2017-09/2010: Học tập tại Trường Đại Học kinh tế kỹ thuật Bình Dương.
- Từ 10/2010-12/2014: Làm việc tại Công ty TNHH Hùng Cá, phụ trách kế toán thu chi, công nợ, ngân hàng, thuế, tổng hợp.
- Từ 12/2014-10/2018: Làm việc tại Công ty CP Phát Triển Bóng Đá Đồng Tháp, phụ trách kế toán thu chi, công nợ, ngân hàng, thuế, Kế toán trưởng.
- Từ 10/2018-01/2019: Làm việc tại Công ty CP Phát Triển Hùng Hậu, chuyên viên Ban tài chính kế toán.
- Từ 02/2019 - nay: Kế toán trưởng CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Ban Điều hành

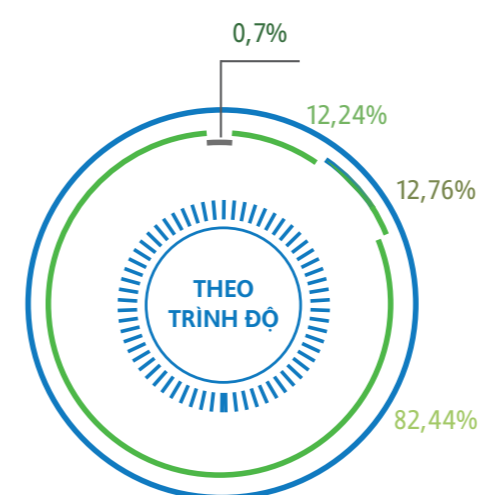
| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Hết nhiệm kỳ |
|-----|-----------------------|-------------------|---------------|--------------|
| 1 | Tống Văn Tùng | Tổng Giám đốc | 22/12/2020 | |
| 2 | Từ Thanh Phụng | Tổng Giám đốc | | 22/12/2020 |
| 3 | Tống Văn Tùng | Phó Tổng Giám đốc | | 22/12/2020 |
| 4 | Huỳnh Thanh | Phó Tổng Giám đốc | | 22/12/2020 |
| 5 | Nguyễn Thị Phương Như | Phó Tổng Giám đốc | | 05/05/2021 |
| 6 | Nguyễn Văn Dol | Phó Tổng Giám đốc | | |
| 7 | Nguyễn Thị Nga | Phó Tổng Giám đốc | 22/12/2020 | |
| 8 | Nguyễn Tú Kỳ | Phó Tổng Giám đốc | 05/05/2021 | |



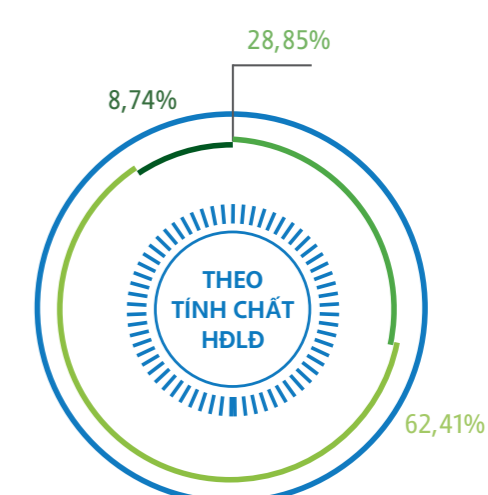
Số lượng cán bộ công nhân viên

Trong năm tài chính 2020, tổng số lượng CBCNV của Công ty là 572 người, cụ thể như sau:

| STT | Tính chất phân loại | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|----------|---|------------|---------------|
| A | Theo trình độ | 572 | 100 |
| 1 | Trên Đại học | 4 | 0,70 |
| 2 | Đại học | 70 | 12,24 |
| 3 | Cao đẳng | 73 | 12,76 |
| 4 | Khác | 425 | 74,30 |
| B | Theo tính chất hợp đồng lao động | 572 | 100,00 |
| 1 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 357 | 62,41 |
| 2 | Hợp đồng có xác định thời hạn | 165 | 28,85 |
| 3 | Hợp đồng theo thời vụ (công nhật) | 50 | 8,74 |



- Trên Đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Khác



- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách đối với người lao động



Hoạt động đào tạo

Công ty chú trọng công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho toàn thể cán bộ công nhân viên thuộc mọi vị trí.

Trong năm, Công ty luôn có những chính sách đào tạo hợp lý để xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có chất lượng cao. SJ1 cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo về nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, bồi dưỡng các kiến thức về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm,... Ngoài ra, các cán bộ công nhân viên còn được Công ty hỗ trợ chi phí để tham gia các khóa học ngoài công ty giúp nâng cao trình độ chuyên môn, tăng năng suất làm việc, ... để xây dựng và hoàn thiện hệ thống sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Môi trường làm việc

Công ty tạo môi trường làm việc năng động, an toàn, hiệu quả, công bằng và thân thiện, giúp cho cán bộ công nhân viên phát huy hết năng lực của mình.

Chính sách lương - thưởng

SJ1 xây dựng chính sách tiền lương phù hợp với năng lực làm việc và vị trí công việc nhằm tạo ra sự công bằng, kích thích người lao động tăng suất cũng như hiệu quả công việc. Cụ thể như Công ty ban hành những quy định tính thu nhập cho chuyên viên, nhân viên, những quy định về khen thưởng- chế tài cho cán bộ công nhân viên nhằm đảm bảo quỹ thu nhập của Công ty được sử dụng đúng đối tượng, phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và đảm bảo thu nhập của người lao động gắn kết với kết quả/ thành tích lao động của cán bộ công nhân viên.

Ngoài ra, Công ty cũng có những chính sách khen thưởng nhằm tạo động lực, khuyến khích cá nhân và đơn vị phát huy khả năng và tối ưu hóa kết quả công việc được giao. Công ty khen thưởng theo định kì hoặc thưởng kịp thời cho những sáng kiến, cải tiến hoàn thành xuất sắc, vượt mức công việc được giao.

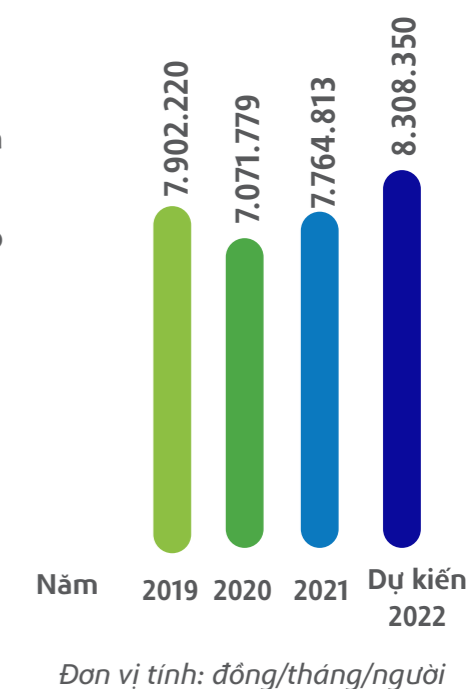


Thu nhập bình quân của người lao động:

Năm tài chính năm 2021, thu nhập bình quân của người lao động của Công ty là 7.764.813 đồng/ tháng/ người.

Dự kiến trong năm tài chính năm 2022, thu nhập bình quân của người lao động của Công ty là 8.308.350 đồng/ tháng/ người.

| STT | Năm | Đơn vị | Mức lương bình quân |
|-----|------|------------------|---------------------|
| 1 | 2019 | đồng/người/tháng | 7.902.220 |
| 2 | 2020 | đồng/người/tháng | 7.071.779 |
| 3 | 2021 | đồng/người/tháng | 7.764.813 |



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án trong năm 2021

Đơn vị tính: đồng

| STT | Dự án | Giá trị đã hoàn thành |
|-----|--|-----------------------|
| 1 | Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza | 1.878.034.091 |
| 2 | Chi phí mở rộng văn phòng 613 Âu Cơ | 3.744.766.649 |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác | 2.540.144.794 |

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất kinh | Giá trị |
|--------------------------------|------------------------------------|--|---|---|
| Góp vốn liên doanh | | | | |
| | Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc | Lô CV-2, khu C, khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 900.000.000 chiếm 30% tỷ lệ biểu quyết |
| Góp vốn vào đơn vị khác | | | | |
| 1 | Công ty CP Thủy sản Năm Căn | Khu vực 1, nhóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn Cà Mau | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản | 159.520.000 |
| 2 | Công ty CP Bao bì Thủy sản | 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh | Sản xuất giấy, bìa giấy, bao bì từ giấy và bìa | 65.980.000 |
| 3 | Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu | 86, Tỉnh lộ 2, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự | 30.600.000.000 chiếm 17% tỷ lệ biểu quyết |
| 4 | Quỹ trái tim Hùng Hậu | | | 500.000.000 |



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ số tài chính cơ bản

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 01/10/2019 - 30/09/2020 | 01/10/2020 - 30/09/2021 | % tăng giảm |
|-----|----------------------|-------------------------|-------------------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 966.505 | 967.248 | +0,08% |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.071.125 | 1.121.406 | +4,69% |
| 3 | Lợi nhuận từ HĐKD | 23.058 | 17.013 | -26,22% |
| 4 | Lợi nhuận khác | 656,000 | - 810,000 | - |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 23.714 | 16.203 | -31,67% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 18.695 | 12.778 | -31,65% |



| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 01/10/2019 - 30/09/2020 | 01/10/2020 - 30/09/2021 | % tăng giảm |
|--|-------------|-------------------------|-------------------------|-------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,11 | 1,01 | -0,09% |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,67 | 0,58 | -13,43% |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 69,80% | 69,91% | +0,17% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 231,07% | 232,34% | +0,55% |
| Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 4,13 | 3,90 | -5,57% |
| Vòng quay khoản phải thu | Vòng | 3,12 | 3,48 | +11,53% |
| Vòng quay khoản phải trả | Vòng | 9,41 | 10,23 | +8,71% |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 1,12 | 1,16 | +3,57% |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| Hệ số LNG/DTT | % | 9,45% | 8,23% | -12,90% |
| Hệ số LNST/DTT | % | 1,75% | 1,15% | -34,24% |
| Hệ số LNST/VCSH bình quân (ROE) | % | 6,46% | 4,42% | -31,62% |
| Hệ số LNST/Tổng TS bình quân (ROA) | % | 1,96% | 1,33% | -32,06% |
| Hệ số LN HĐKD/DTT | % | 2,15% | 1,52% | -29,52% |



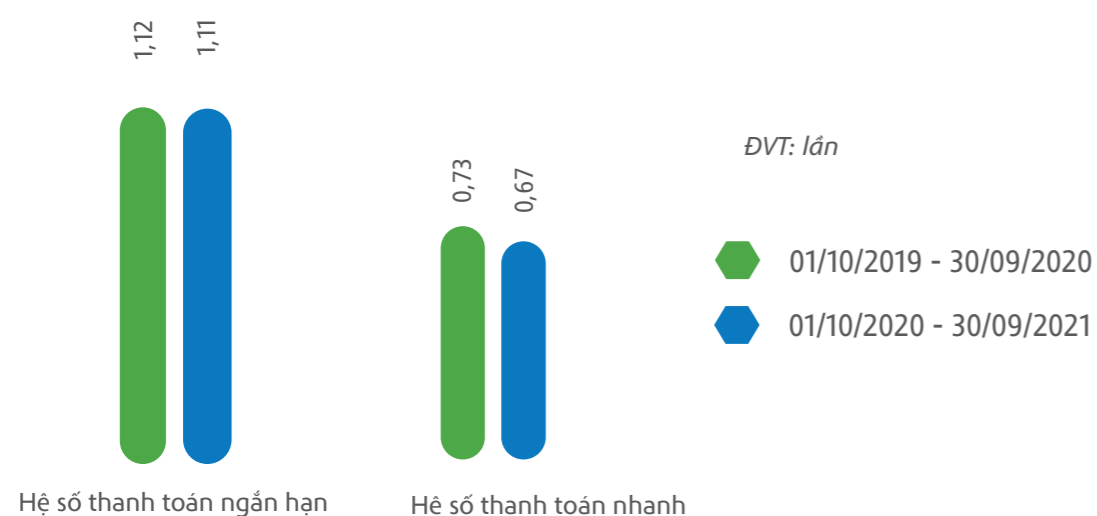
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ số tài chính cơ bản

Chi tiêu về khả năng thanh toán

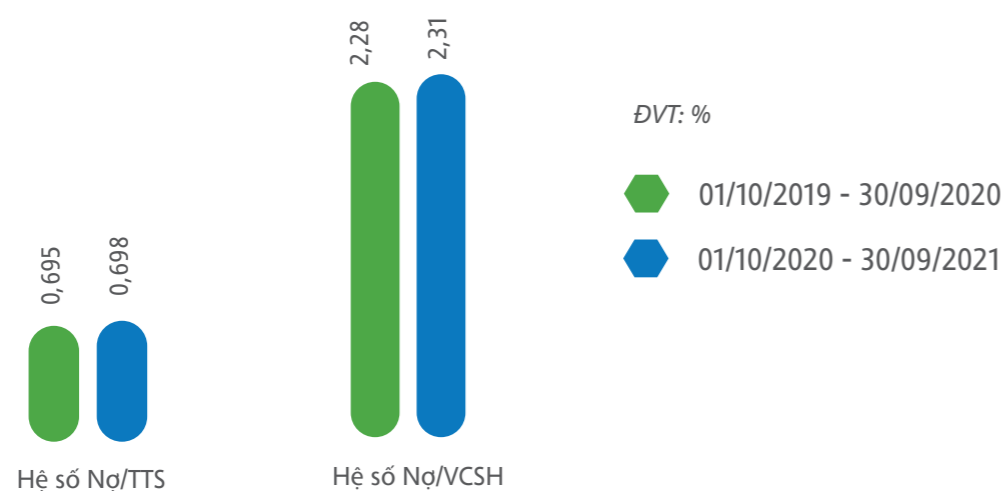
Từ thời điểm cuối năm tài chính 2021, các hệ số thanh toán của Công ty đều giảm so với cùng kì. Cụ thể là hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đạt 1,01 lần và 0,58 lần,

Nhìn chung, các chỉ số về khả giảm lần lượt là 0,09% và 13,43% so với cùng kì. Tính đến 30/09/2021, Công ty đã có chính sách thu hồi công nợ, nên các khoản nợ từ bán hàng được thu hồi sớm, làm cho các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng giảm. năng thanh toán tuy có sụt giảm so với cùng kì năm ngoái. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán, đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn, đồng thời duy trì được khả năng kinh doanh.



Chi tiêu về cơ cấu vốn

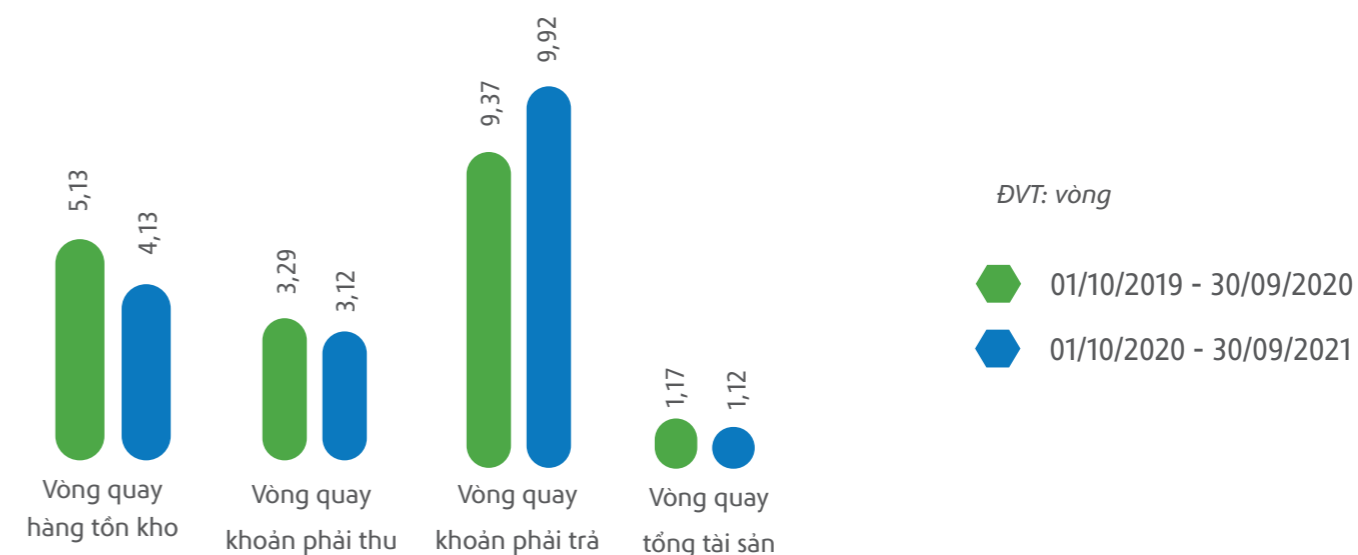
Trong năm tài chính 2021, chi tiêu về cơ cấu vốn tăng nhẹ, không đáng kể so với năm tài chính 2020. Cụ thể là Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng lần lượt là 0,17% và 0,55%. Bên cạnh đó, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu không có nhiều thay đổi, vẫn giữ ở mức ổn định, do tình hình kinh tế không có nhiều khả quan, các dự án chưa triển khai mới. Theo đó, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm tài chính 2021 không biến động nhiều.



Chi tiêu về hiệu suất hoạt động

Trong năm tài chính 2021, các hệ số về hiệu suất hoạt động hầu hết đều có xu hướng tăng so với năm tài chính 2020, tuy nhiên, hệ số vòng quay hàng tồn kho lại giảm. Cụ thể, vòng quay Hàng tồn kho giảm từ 4,13 vòng xuống còn 3,19 vòng. Nguyên nhân là do lượng hàng tồn kho tăng trong năm.

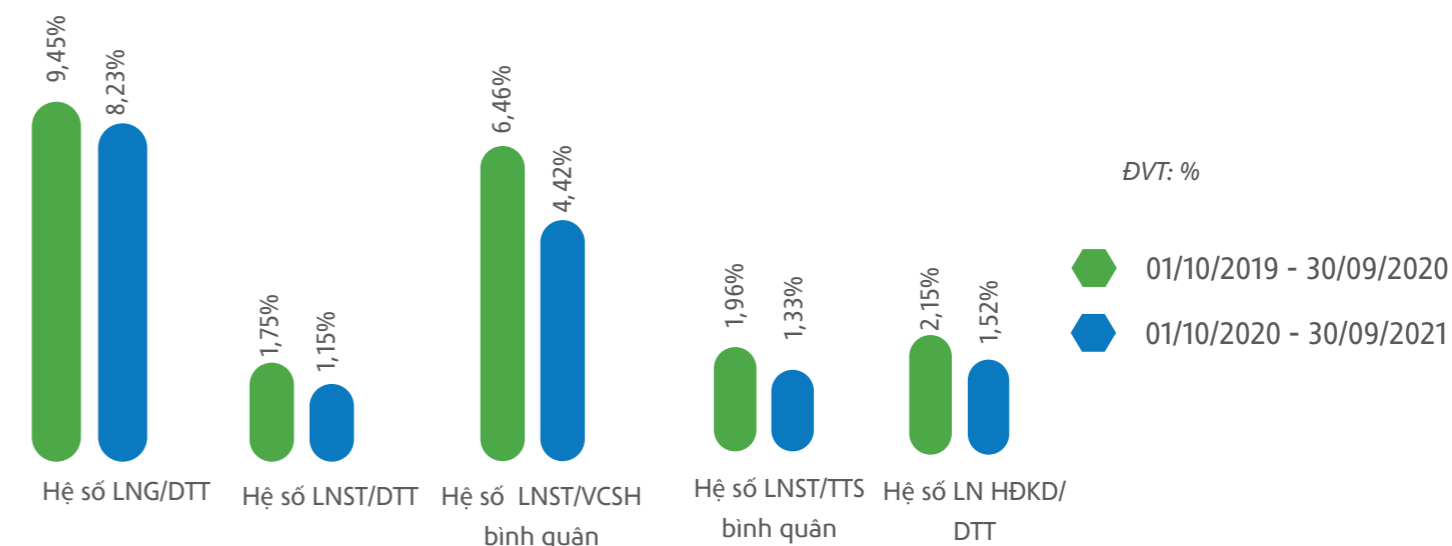
Năm 2021, Công đẩy mạnh khai thác thị trường nội địa như: triển khai chào hàng một số sản phẩm mới, phát triển hệ thống các siêu thị trên toàn quốc,... nên doanh thu thuần tăng so với cùng kì. Theo đó, các chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động được cải thiện, cụ thể: vòng quay khoản phải trả, vòng quay khoản phải thu và vòng quay tổng tài sản tăng lần lượt là 11,53%, 8,71% và 3,57%.



Chi tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nên các chỉ tiêu sinh lời trong năm tài chính 2021 có xu hướng sụt giảm so với cùng kì. Cụ thể, Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân, Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần giảm lần lượt là 12,90%, 34,24% 31,62%, 32,06% và 29,52%. Trong năm, Công ty đẩy mạnh chiến lược quảng bá sản phẩm để mở rộng kênh phân phối, dẫn đến chi phí bán hàng tăng là nguyên nhân chính khiến cho Lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế giảm, dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời biến động đáng kể.

Trong thời gian tới, với những biện pháp kiểm soát dịch bệnh và những biện pháp chiến lược đưa ra, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa thị trường và cải thiện biên lợi nhuận.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phần:

- Thông tin cổ phiếu tại thời điểm 30/09/2021:
- Vốn điều lệ: 221.560.600.000 đồng
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 22.156.060 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 1.010 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 22.155.050 cổ phiếu
 - + Số cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 22.155.050 cổ phiếu
 - + Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VND
- Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

Cơ cấu cổ đông

Căn cứ vào danh sách chốt tại ngày 30/10/2021

| STT | Loại cổ đông | Số cổ phiếu | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----------|--------------------|-------------|----------------------|--------------|
| I | Nhà nước | 0 | 0 | 0,00% |
| II | Cổ đông nội bộ | 0 | 0 | 0,00% |
| II | Cổ đông trong nước | 438 | 22.112.543 | 99,80% |
| 1 | Tổ chức | 17 | 16.292.258 | 73,53% |
| 2 | Cá nhân | 421 | 5.820.285 | 26,27% |
| III | Cổ đông nước ngoài | 19 | 43.517 | 0,20% |
| 1 | Tổ chức | 4 | 9.987 | 0,05% |
| 2 | Cá nhân | 15 | 33.530 | 0,15% |
| Tổng cộng | | 457 | 22.156.060 | 100,00% |

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm ngày 30/09/2021 của Công ty Nông nghiệp Hùng Hậu là 1.010 cổ phiếu, trong năm Công ty không thực hiện các giao dịch quỹ.

Rà soát Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Các đợt phát hành chứng khoán đã thực hiện trong năm:

Không có



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

| Thời điểm | Vốn điều lệ sau khi tăng giảm (đồng) | Giá trị vốn tăng giảm (đồng) | Hình thức tăng giảm vốn |
|-----------|--------------------------------------|------------------------------|--|
| Năm 2000 | 20.000.000.000 | - | |
| Năm 2007 | 35.000.000.000 | +15.000.000.000 | |
| Năm 2012 | 38.500.000.000 | +3.500.000.000 | Chia cổ tức 10% bằng cổ phiếu |
| Năm 2014 | 55.832.000.000 | +17.332.000.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| Năm 2015 | 77.451.840.000 | +21.619.840.000 | Thông qua 3 đợt phát hành. Đợt 1 phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đợt 2 và đợt 3 phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 1024 và theo chương trình phát hành cho người lao động |
| Năm 2016 | 104.553.710.000 | +27.101.870.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| Năm 2017 | 187.805.970.000 | +83.252.260.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| Năm 2018 | 199.070.530.000 | + 11.264.560.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| Năm 2019 | 211.012.440.000 | +11.941.910.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| Năm 2020 | 221.560.000.000 | +10.547.560.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 |



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đại dịch Covid-19 với những biến thể mới cùng với những biện pháp giãn cách xã hội đã khiến cho chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như Việt Nam bị đứt gãy. Các ngành kinh doanh sản xuất chịu ảnh hưởng giảm doanh thu lợi nhuận so với kế hoạch. Mặc dù doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm so với kế hoạch (đạt 93% so với kế hoạch) nhưng so với cùng kì năm trước thì cũng có được kết quả đáng khích lệ.

Kết quả cả năm tài chính 2021

ĐVT: triệu đồng

| CHỈ TIÊU | Thực hiện năm 2020 và 2021 | | Kế hoạch năm 2021 (01/10/2020-30/09/2021) | So sánh | |
|--|--------------------------------------|--------------------------------------|--|---------------------|---------------------|
| | Thực hiện (01/10/2019-30/09/2020) | Thực hiện (01/10/2020-30/09/2021) | | TH 2021/ TH 2020 | TH 2021/ KH 2021 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.071.125 | 1.121.406 | 1.200.000 | 105% | 93% |
| 2. Giá vốn hàng bán | 969.890 | 1.029.040 | | 106% | |
| 3. Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ | 101.245 | 92.366 | | 91% | |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 3.353 | 6.221 | | 168% | |
| 5. Chi phí tài chính | 41.403 | 41.622 | | 101% | |
| 6. Chi phí bán hàng | 20.832 | 22.772 | | 109% | |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 19,305 | 17.179 | | 89% | |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 23.058 | 17.013 | | 74% | |
| 9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 23.714 | 16.203 | 33.000 | 68% | 49% |



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Tình hình tài sản

| Khoản mục | 30/09/2020 | | 30/09/2021 | | % tăng/giảm 2021/2020 |
|------------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|--------------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| | DVT: triệu đồng | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 655.946 | 67,87% | 618.111 | 63,9% | -5,76% |
| Tài sản dài hạn | 310.559 | 32,13% | 349.137 | 36,1% | 12,42% |
| Tổng cộng | 966.505 | 100,00% | 967.248 | 100,00% | 0,08% |

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 30/9/2021 nhìn chung không biến động so với thời điểm năm tài chính 2020, khi giá trị tổng tài sản là 967.248 triệu đồng, chỉ tăng 0,08% so với cùng thời điểm 2020. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn lại biến động đáng kể, cụ thể là tài sản ngắn hạn giảm 5,76%, còn tài sản dài hạn tăng 12,42%. Trong năm, Ban lãnh đạo có chính sách thu hồi công nợ sớm, khách hàng thanh toán nhanh làm cho khoản phải thu ngắn hạn giảm dẫn đến tài sản ngắn hạn giảm.

Tài sản dài hạn trong năm tài chính 2021 tăng đáng kể với 12,42%. Trong đó, cơ cấu tài sản dài hạn tăng các khoản Tài sản cố định hữu hình như nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải, truyền dẫn,... Nguyên nhân là do trong năm, Công ty đầu tư các máy móc thiết bị mới để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bởi năm 2020, công ty đã thanh lý, nhượng bán các máy móc thiết bị đã hết khấu hao.

Tình hình nợ phải trả

| Khoản mục | 30/09/2020 | | 30/09/2021 | | % tăng/giảm 2021/2020 |
|-------------------------|-----------------|--------------|----------------|----------------|--------------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| | DVT: triệu đồng | | | | |
| Nợ ngắn hạn | 593.097 | 87,92% | 593.039 | 87,69% | -0,01% |
| Nợ dài hạn | 81.478 | 12,08% | 83.251 | 12,31% | 2,18% |
| Tổng nợ phải trả | 674.574 | 100% | 676.289 | 100,00% | 0,25% |

Nợ ngắn hạn tiếp tục là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu của Công ty tại ngày 30/9/2021 với 87,69% (tương đương với 593.039 triệu đồng). Tuy nhiên, Nợ ngắn hạn của SJ1 trong năm tài chính 2021 gần như không biến động, chỉ giảm 0,01%, giảm từ 593.097 triệu đồng xuống 593.039 triệu đồng.

Tổng nợ phải trả của Công ty là 676.289 triệu đồng, tăng nhẹ so với thời điểm 30/9/2020 (tăng 0,25%), chủ yếu là do nợ dài hạn cũng tăng so với năm tài chính 2020 (tăng từ 81.478 triệu đồng lên 83.251 triệu đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do khoản phải trả người bán dài hạn tăng 16.263 triệu đồng, chủ yếu là phải trả cho Công ty TNHH Hùng Cá và Công ty TNHH Một Thành viên Trần Hân.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ vào tốc độ phát triển của thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban Tổng Giám đốc xây dựng các chỉ tiêu như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm tài chính 2022 |
|-----|----------------------|------------|-----------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 1.400.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 30.000 |
| 3 | Cổ tức dự kiến | %/ năm | Từ 8% - 10% |

Biện pháp thực hiện các kế hoạch đã đề ra

- Dự kiến trong quý 1.2022 khởi công xây dựng Nhà máy Happyfood VietNam.
- Tập trung khai thác thị trường hiện có và chú trọng phát triển thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Pháp, Bỉ, Hà Lan. Đẩy mạnh phát triển khách hàng tại thị trường Nga đối với mặt hàng GTGT và Nông sản, tiến tới thành lập chi nhánh công ty tại Nga.
- Đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm nhãn hiệu Happyfood trong thị trường nội địa, đa dạng mặt hàng mới như thịt heo, thịt bò, bánh hải sản ăn liền.... tăng cường quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Tham gia hiệp hội Am Cham/ Euro Cham, các hội nghị/ diễn đàn xúc tiến & kết nối giao thương, các kênh bán hàng B2B....
- Đưa vào ứng dụng hệ thống chăm sóc khách hàng Dynamic Sales 365.
- Chào mời các đối tác chiến lược phối hợp triển khai dự án Cụm công nghiệp An Hào.
- Đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa và nguyên liệu nông sản dùng sản xuất thức ăn thủy sản.
- Ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào thông qua việc tiếp tục tìm kiếm nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài; đồng thời phát triển chuỗi liên kết từ Nhà cung cấp – Nhà sản xuất – Khách hàng để kiểm soát chất lượng nguồn gốc sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm đầu ra.
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống ERP để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm đồng thời hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc kịp thời trong các quyết định sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục triển khai chiến lược tăng năng lực tài chính và mở rộng quy mô hoạt động. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn đối tác chiến lược về tài chính để hỗ trợ, bổ sung cho nguồn vốn lưu động và phục vụ công tác đầu tư – xây dựng cơ bản.
- Xây dựng và áp dụng các chương trình tiết giảm chi phí sản xuất, bán hàng và quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Điều chỉnh đơn giá lương theo sản phẩm và tăng mức thu nhập theo hiệu quả cho toàn thể CBCNV, dựa trên cơ sở đánh giá hiệu suất làm việc khoa học và định lượng.
- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động để người lao động an tâm cống hiến, gắn bó.



“Hùng Hậu - Đột phá về phong cách, sáng tạo về ý tưởng, đa dạng về chủng loại”

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

Công tác kinh doanh:

Với tình hình dịch bệnh Covid - 19 trong năm vừa qua, Công ty đã phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể công nhân viên trong công ty, chúng tôi ghi nhận những kết quả sau:

- Tổng doanh thu thuần trong năm 2021 đạt 1.121.406.224.356 đồng tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 7% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm 2021 là 16.203.295.866 đồng, đạt 68% so với cùng kỳ năm 2020 và 49% so với kế hoạch.
- Trong năm 2021 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ của hàng thủy sản (cá tra) tại thị trường Nga và hàng GTGT tại Nhật Bản, Hàn Quốc và Châu Âu. Ngoài ra đã phát sinh 2 thị trường mới là Dominica và Đài Loan.
- Tỷ trọng doanh thu bán hàng Giá trị gia tăng đã có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực. Trong đó thị trường trọng điểm: Châu Á chiếm 58% (Nhật bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hongkong). Còn lại là Châu Âu chiếm 42% (gồm Bỉ, Pháp, Hà Lan...).
- Phát triển 14 khách hàng mới (chiếm 15% doanh thu công ty). Đồng thời, đã phân loại và xây dựng chính sách đối với từng khách hàng cụ thể, từng chương trình đối với từng loại hàng hoá vào những thời điểm thích hợp để phát triển kinh doanh (Đã điều chỉnh giá bán kịp thời trong đợt dịch Covid).
- Đã nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm mới mang nhãn hiệu Seajo Cake, Seajo Crepe và được thị trường nội địa và quốc tế đón nhận cũng như đã cải tiến để đưa ra các sản phẩm đặc trưng của HHA như chả giò, cá tẩm bột với giá thành thấp hơn 25% so với giá trước đây, nhằm thúc đẩy bán hàng trong điều kiện bình thường mới của đại dịch Covid.
- Công tác chăm sóc khách hàng được đẩy mạnh, xây dựng được mối quan hệ thân thiết với Khách hàng giúp phát triển cũng như nâng cấp các kênh thương mại điện tử phù hợp với xu hướng người dùng.



Công tác Sản xuất:

- Chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu mà công ty đặc biệt quan tâm. Vì thế các sản phẩm đều được kiểm tra kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng được xuất khẩu bằng việc Công ty liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALAL, HACCP ASC/MSC ...nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.

» Công ty đã thực hiện duy trì tái đánh giá và được Chứng nhận BRC8 và ISO 22000.

» Đăng ký xuất hàng GTGT vào thị trường Nga.

» Thực hiện đào tạo nội bộ cho CBCNV Phòng máy về an toàn lao động, đào tạo 100% cho công nhân tân tuyển về an toàn thực phẩm- vệ sinh công nghiệp.



- Thực hiện cải tiến quy trình, thiết bị nhằm giảm công lao động, định mức so với kế hoạch.
- Đã trang bị thêm các máy móc thiết bị cho 2 nhà máy gồm: máy trộn, máy bắn viên, máy phân size nhằm cải thiện sản xuất nâng cao năng suất lao động.
- Lực lượng lao động phổ thông liên tục giảm, đa số công nhân mới tuyển có tay nghề thấp năng suất thấp, để khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động, Công ty đã áp dụng đồng thời các biện pháp sau:

» Tìm kiếm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động;

» Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, đào tạo, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển để thu hút lao động. Cải tạo nhà lưu trú cho công nhân.

» Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề, xem xét đơn giá lương sản phẩm điều chỉnh tăng phù hợp.

» Tăng cường cải tiến quy trình sản xuất, tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Công tác mua hàng

- Về nguyên liệu đầu vào: Tình hình nguyên liệu cho 2 mặt hàng tôm và bạch tuộc biến động, công ty chủ động điều tiết việc cung cấp nguyên liệu đầu vào phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh: mua theo mùa vụ nuôi, vụ khai thác để có được giá tốt nhất. Giá các mặt hàng thủy sản đầu vào như tôm và cá tra đã giảm mạnh từ đầu năm 2020 đến nay do người nuôi thu hoạch sớm do lo ngại giá tiếp tục giảm, trong khi các doanh nghiệp xuất khẩu ngưng thu mua vì đơn hàng bị hoãn, hủy và không có các đơn hàng mới, kho lạnh của doanh nghiệp hoạt động hết công suất, không thể trữ thêm nguyên liệu vì đã chứa thành phẩm tồn kho. Đặc biệt sức mua của thị trường Trung Quốc giảm mạnh, do dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng khá nhiều đến sản lượng tiêu thụ của thị trường này.
- Do ảnh hưởng dịch Covid công việc sản xuất bị gián đoạn nên tổng lượng hàng hóa mua vào phục vụ sản xuất trong năm chỉ đạt được 65% so kế hoạch nhưng vẫn đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu sản xuất của các nhà máy.
- Nguồn tôm thẻ mua vào bên cạnh việc mua trong nước Công ty chủ động đẩy mạnh nhập khẩu để có được giá bán cạnh tranh nhất.
- Tổng lượng hàng hóa mua vào phục vụ cho sản xuất kinh doanh đáp ứng khoảng 90% nhu cầu của sản xuất, 10% còn lại chưa đạt như kỳ vọng do một số nguyên liệu chính như Bạch tuộc, Tôm chỉ, Ghe, Mực, Cá Đổng... còn lệ thuộc vào nguồn đánh bắt, mùa vụ, khó dự báo được, gây bị động trong việc đáp ứng nhu cầu đúng hạn, ảnh hưởng giá thành và tính cạnh tranh trong giá bán.
- Công ty đã duy trì thêm việc nhập khẩu tôm nguyên liệu từ nước ngoài, tạo được nguồn cung với giá cạnh tranh hơn và giải quyết được phần nào tình hình khó khăn chung do sự thiếu hụt nguyên liệu từ thị trường trong nước.

Công tác tài chính kế toán

- Thực hiện quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát tốt công nợ phải thu của khách hàng, không phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi.
- Đảm bảo tối đa việc chi lương và các chế độ phụ cấp cho CBCNV đúng thời hạn.
- Quản lý tốt hàng hoá tồn kho, kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.

Vốn điều lệ:

Bảo toàn vốn điều lệ 221.560.600.000 đồng.

Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:

- Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- Đảm bảo sản xuất ổn định để duy trì việc làm cho lao động trong tình hình dịch bệnh.
- Bổ sung các chức danh quản lý, điều hành nhằm khuyến khích phát triển nhân lực cũng như tăng cường công tác giám sát và thúc đẩy hoạt động của Công ty.
- Duy trì chế độ thưởng hàng tháng theo kết quả kinh doanh.
- Nhiệm vụ của Công ty đại chúng đã niêm yết
- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ công bố thông tin theo quy định đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như: Công bố các thông tin liên quan Đại Hội đồng cổ đông; Nghị quyết số 12.2021/NQ-ĐHĐCĐ và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021, Công bố các thông tin liên quan đến sự thay đổi nhân sự, Công bố Quy chế quản trị và Điều lệ, Báo cáo thường niên năm 2020, báo cáo tình hình quản trị năm 2020, Báo cáo tài chính quý I, quý II, quý III, quý IV/2021 và công bố thông tin bất thường, v.v....

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY.

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp khắc phục khó khăn và tận dụng cơ hội trong năm tài chính 2021.

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc luôn nỗ lực hết mình vì sự phát triển của Công ty, thường xuyên xin ý kiến HĐQT trên các lĩnh vực:

- Thực hiện quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT để triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tình hình tài chính được kiểm soát hiệu quả.
- Thực hiện quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, minh bạch, giúp cho các nhà đầu tư hiểu rõ về Công ty.
- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty; thực hiện tốt các chính sách tiền lương, điều kiện ăn ở, sinh hoạt và chế độ phúc lợi cho người lao động, qua đó đảm bảo việc làm và đời sống ổn định cho người lao động.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Mục tiêu công tác kinh doanh

- Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt chú trọng đến thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Pháp, Bỉ, Hà Lan.
- Tiếp tục đưa thương hiệu HungHau ra nước ngoài bằng cách thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu; quảng bá thương hiệu HungHau thông qua các khách hàng hiện hữu như: GDF, EMI, KOH, ASU và thông qua các hội chợ trong và ngoài nước, các mạng xã hội và kênh B2B khác.
- Đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm nhãn hiệu Happ food trong thị trường nội địa, đa dạng mặt hàng mới như thịt heo, thịt bò, bánh hải sản ăn liền.... tăng cường quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Tham gia hiệp hội Am Cham/ Euro Cham, các hội nghị/ diễn đàn xúc tiến & kết nối giao thương, các kênh bán hàng B2B....
- Đẩy mạnh phát triển khách hàng tại thị trường Nga đối với mặt hàng GTGT và Nông sản, tiến tới thành lập chi nhánh công ty tại Nga.
- Tiếp tục tìm cách đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài sẵn có thiết lập mối quan hệ mua bán song phương, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi cũng như nghiên cứu tạo ra các dòng sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Đưa vào ứng dụng hệ thống chăm sóc khách hàng Dynamic Sales 365.

Mục tiêu công tác sản xuất

- Nghiên cứu cải tiến các sản phẩm đạt chất lượng cao và giá cả hợp lý, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Kiểm soát tốt chất lượng từ nguồn nguyên liệu cung ứng đầu vào đến sản phẩm đầu ra đạt tiêu chuẩn về kháng sinh, vi sinh.
- Liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALAL, HACCP; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng;
- Dự kiến trong quý 1.2022 khởi công xây dựng Nhà máy Happ food VietNam.

Mục tiêu công tác mua hàng

- Tiếp tục theo dõi sát tình hình biến động giá nguyên liệu trên thị trường (tôm, bạch tuộc, cá ...) để điều chỉnh việc mua hàng trong nước và nhập khẩu phù hợp.
- Chủ động tích trữ một số nguyên liệu có giá cả tốt dựa vào nhu cầu đặt hàng của khách hàng.

Mục tiêu công tác tài chính kế toán

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Liên kết các đơn vị tư vấn quỹ tài chính, chào mời các đối tác chiến lược phối hợp triển khai dự án Cụm công nghiệp An Hào.
- Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.

Mục tiêu công tác nhân sự, lao động, tiền lương và chính sách chế độ

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ chính sách;
- Tuyển dụng hoặc đào tạo phát triển thêm cán bộ quản lý kinh doanh;
- Bổ sung thêm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy;
- Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển;
- Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề;
- Xây dựng điều chỉnh đơn giá lương sản phẩm điều chỉnh tăng phù hợp, theo các phương án:

+ **Phương án 1:** Giữ nguyên đơn giá, thưởng năng suất dựa trên lương năng suất CN làm ra chia thành từ 5-12% trên tiền lương sản phẩm.

+ **Phương án 2:** Tăng đơn giá cho những công đoạn của sản phẩm chủ lực từ 5-7%.



05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Định hướng phát triển bền vững

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
của Công ty



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu theo đuổi chính sách hoạt động sản xuất kinh doanh đi đôi với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, định hướng phát triển bền vững để trường tồn. Vì thế Công ty cam kết giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo lập giá trị tốt cho nhân viên, khách hàng, đối tác, nhà cung cấp và cộng đồng xung quanh.

Mục tiêu cụ thể

- Phát triển bền vững đi đôi với lợi ích kinh tế thông qua hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Lựa chọn và xây dựng những chiến lược kinh doanh phù hợp, ứng dụng công nghệ, sử dụng nguyên vật liệu đạt chuẩn và có cơ chế thẩm định rõ ràng.
- Đào tạo nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn lực lượng lao động trẻ.
- Chấp hành nghiêm chỉnh về bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan và hệ sinh thái tạo khu vực vận hành.
- Tăng cường đội ngũ trong việc kiểm soát các hoạt động có nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội. Qua đó cũng nghiên cứu và triển khai các sản phẩm sử dụng năng lượng tiết kiệm.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Ý thức được trách nhiệm của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với các tác động đến môi trường và xã hội, trong năm Công ty đã chủ động triển khai nhiều biện pháp nhằm đến tiết kiệm năng lượng, đảm bảo môi trường và hỗ trợ cộng đồng:



Về tiêu thụ năng lượng:

Trong nhiều năm qua, Công ty luôn chú trọng đến việc sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm. Vì thế, Công ty cải tạo và đầu tư vào máy móc thiết bị tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, nhằm đảm bảo nguồn nhiên liệu với chi phí hợp lý cho hoạt động vận hành nhà máy, máy móc thiết bị. Ngoài ra, Công ty xây dựng thói quen cho cán bộ công nhân viên để tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng hiệu quả, giúp đảm bảo lợi ích cho Công ty, và góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Về xử lý chất thải bảo vệ môi trường:

Nhận thức được bảo vệ môi trường tự nhiên sẽ mang lại nhiều lợi ích đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và công cộng. Công ty luôn chú trọng về vấn đề bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật. Trong năm, Công ty thực hiện cải tạo hệ thống xử lý nước thải cho nhà máy HA1 và nhà máy HAF, đảm bảo môi trường tự nhiên cho cộng đồng.



Về trách nhiệm đối với người tiêu dùng và cộng đồng:

Là Công ty chế biến thủy sản, Công ty luôn xem đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được duy trì và phát huy tốt thông qua việc vận hành các hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HACCP, HALAL... để kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

Ngoài ra, Ban chỉ hội Công đoàn đã kết nối với Quỹ Trái Tim Hùng Hậu động viên tinh thần và hỗ trợ hiện kim cho người lao động nhiều trường hợp; Quỹ Trái tim Hùng Hậu đã tổ chức mừng Giáng sinh cho các em nhỏ gia đình khó khăn bằng những món quà thiết thực ở 2 nhà máy HA1, HAF, giáng sinh vào tháng 12/2020; Thành lập đội phản ứng nhanh về phòng chống dịch Covid - 19, kịp thời xử lý các tình huống dịch phát sinh và đảm bảo an toàn cho người lao động trong môi trường làm việc.

Về chính sách đối với người lao động:

Công ty cam kết toàn bộ công nhân viên của Công ty sau khi ký hợp đồng đều được tham gia các chế độ về bảo hiểm, tiền lương, thưởng,... theo đúng quy định của Pháp luật. Việc đóng bảo hiểm xã hội trong giai đoạn dịch bệnh vẫn được thực hiện đầy đủ.

Một trong những nghĩa vụ quan trọng nhất của cộng đồng doanh nghiệp là tạo ra công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, qua đó ổn định được kinh tế xã hội của cả quốc gia. Vì vậy, Công ty luôn tìm kiếm bổ sung thêm các nguồn cung ứng lao động trên các trên website VietNamwork, Mywork, Timviecnhanh; Nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy từ các nguồn: Công ty Tâm Thịnh Vượng, Công ty Hải An, Phan Anh. Nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid - 19, nhà máy HA1 đã ngưng lao động từ các nguồn bên ngoài để giải quyết việc làm cho công nhân nhà máy. Tuy nhiên, Công ty ưu tiên duy trì việc làm thu nhập để đảm bảo cho đời sống người lao động.

Bên cạnh đó, SJ1 còn xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển; Đào tạo tay nghề cho công nhân mới; Hỗ trợ lương 6 tháng học việc; Hỗ trợ nhà ở 3 tháng đầu cho công nhân mới vô làm; Hỗ trợ xăng xe: 11,000đ/ngày ; Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề; Tổ chức bữa ăn cho CBCNV luôn đảm bảo, đủ lượng, đủ chất và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trong năm 2021, do bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 và các chính sách giãn cách của Nhà nước, Công ty đã thực hiện các biện pháp làm việc từ xa, họp trực tuyến để hạn chế đi lại, tiếp xúc, cán bộ công nhân viên cũng đã tiết giảm rất nhiều việc đi lại, công tác. Mặc dù khó khăn trong giai đoạn đầu nhưng cho đến nay, tất cả các cán bộ nhân viên đã làm quen và sử dụng thành thạo.



06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2021

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------------|---|
| 1 | Phạm Thị Minh Nguyệt | Chủ tịch HĐQT | |
| 2 | Từ Thanh Phụng | Phó Chủ tịch HĐQT | Bắt đầu nhiệm kì từ ngày 15/12/2020- 02/12/2021 |
| 3 | Trần Thanh Hương | Phó Chủ tịch HĐQT | Hết nhiệm kì ngày 15/12/2020 |
| 4 | Tống Văn Tùng | Thành viên HĐQT | Từ ngày 15/12/2020 |
| 5 | Huỳnh Thanh | Thành viên HĐQT | Từ ngày 15/12/2020 |
| 6 | Tôn Thất Diên Khoa | Thành viên HĐQT | Từ ngày 15/12/2020 |

Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2021

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|-------------------|--|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Phạm Thị Minh Nguyệt | Chủ tịch HĐQT | | 07/07 | 100% | |
| 2 | Từ Thanh Phụng | Phó Chủ tịch HĐQT | Ngày bắt đầu là PCT. HĐQT 15/12/2020 | 07/07 | 100% | |
| 3 | Trần Thanh Hương | Phó Chủ tịch HĐQT | Ngày không còn PCT HĐQT 15/12/2020 | 07/07 | 100% | |
| 4 | Từ Thanh Phụng | Thành viên HĐQT | Ngày không còn Thành viên HĐQT 15/12/2020 | 07/07 | 100% | |
| 5 | Trần Thanh Hương | Thành viên HĐQT | Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 15/12/2020 | 07/07 | 100% | |
| 6 | Tống Văn Tùng | Thành viên HĐQT | Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 26/12/2020 | 07/07 | 100% | |
| 7 | Huỳnh Thanh | Thành viên HĐQT | Ngày bắt đầu là TV. HĐQT: 28/12/2019 | 07/07 | 100% | |
| 8 | Tôn Thất Diên Khoa | Thành viên HĐQT | Ngày bắt đầu là TV. HĐQT: 28/12/2019 | 07/07 | 100% | |

* Bao gồm: Các cuộc họp trực tiếp và các lần xin ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản.

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát, thay vào đó thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Các tiểu ban đã thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Tiểu ban Chiến lược:

Các hoạt động trong năm tài chính 2021:

- Tham mưu cho HĐQT định hướng hoạt động ngắn hạn và dài hạn, những mục tiêu mang tính chiến lược của Công ty, các giải pháp xử lý những khó khăn trong quá trình hoạt động.
- Nghiên cứu, phân tích, nhận định các điểm mạnh/ điểm yếu, các điểm khác biệt của Công ty so với các công ty đối thủ trong ngành. Phân tích các thị trường chiến lược, thị trường tiềm năng trong thời gian tới cho hoạt động kinh doanh của Công ty, liên hệ với các đối tác Hàn Quốc để có phương hướng hợp tác, đảm bảo đầu ra cho các dự án mới
- Tim kiếm và khai thác các quỹ đầu tư trong và ngoài nước trong lĩnh vực nông nghiệp/ thực phẩm để hỗ trợ cho vấn đề hoạt động của Công ty; tìm kiếm đối tác liên kết xây dựng một trung tâm phục vụ cho việc chứng nhận Halal.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách, định hướng phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tham mưu công tác phòng ngừa, ứng phó dịch Covid-19 nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được liên tục và an toàn.
- Phân tích, nghiên cứu, đánh giá các yếu tố về tình hình biến động kinh tế thế giới, đặc biệt trong viễn cảnh đại dịch Covid-19, để đưa ra các đề xuất tham mưu cho HĐQT các chính sách, chiến lược bán hàng, cơ cấu mặt hàng sản xuất sao cho phù hợp với thị trường và hiệu quả nhất cho Công ty.
- Phân tích, đánh giá hệ thống phân phối các thị trường trong nước và ngoài nước, góp ý để xuất chiến lược, chính sách kinh doanh phù hợp với từng đối khách hàng.
- Đánh giá quy mô năng lực sản xuất các nhà máy, kho vận, góp ý để xuất cải tiến quy trình kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất tại nhà máy HA1 và HAF. Tham mưu các phương án đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, xác định công năng, quy mô xây dựng các nhà máy mới (khu đất H.H.C KCN Sa Đéc, Đồng Tháp và C2-1 KCN Tân Phú Trung, Tp. HCM).
- Tham mưu cho HĐQT trong việc lập kế hoạch ngân sách, chương trình hành động, mục tiêu nghị quyết năm tài chính 2022; Định hướng chiến lược phát triển kinh doanh trung và dài hạn, giai đoạn 2021-2025, 2025 – 2030.



Tiểu ban nhân sự - lương thưởng

Thực hiện các công tác tham mưu cho HĐQT:

- Tham mưu xây dựng Sơ đồ tổ chức và Phân cấp phân quyền.
- Tham mưu xây dựng chính sách thu nhập theo hiệu quả công việc đối với CBQL/ĐH; chính sách lương sản phẩm đối với công nhân sản xuất và đội ngũ gián tiếp hưởng lương sản phẩm; quy định khen thưởng – Chế tài; quy định tính thu nhập đối với cấp nhân viên – chuyên viên.
- Tham mưu việc bổ nhiệm/ miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
- Tham mưu các giải pháp nhân sự trong tình hình dịch bệnh Covid -19 nhằm tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
- Tham mưu thực hiện việc đăng ký tiêm vaccin Covid -19 cho tập thể người lao động.
- Tham mưu phương án nhân sự sản xuất 03 tại chỗ tại các nhà máy và chính sách hỗ trợ - đãi ngộ người lao động tham gia hoạt động sản xuất theo phương án 03 tại chỗ; xây dựng chính sách hỗ trợ người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid -19.
- Soát xét gói thù lao HĐQT năm 2021 và đề xuất thù lao năm 2022.

Giám sát các hoạt động:

- Thực hiện Quy định tính thu nhập và các chính sách khen thưởng – chế tài của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các chính sách nhân sự/lương thưởng/hỗ trợ nhân sự trong giai đoạn Covid-19.
- Tính tuân thủ các chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành cấp cao của Công ty.
- Hoạt động hoạch định nhân sự kế thừa.
- Giám sát việc chi thù lao HĐQT, các tiểu ban năm 2021.



Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên

| STT | NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2021 | TÌNH HÌNH THỰC HIỆN |
|-----|---|---------------------|
| 1 | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt bằng 6%/ mệnh giá | Đã hoàn thành |
| 2 | Chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 | Đã hoàn thành |
| 3 | Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty | Đã hoàn thành |



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Năm 2021 Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|---|
| 1 | NQ 01.2021/NQ-HĐQT | 16/11/2020 | Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông thường niên năm tài chính 2021 và dự kiến chốt tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021. |
| 2 | NQ 02.2021/NQ-HĐQT | 01/12/2020 | Thông qua việc chuyển nhượng tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu cho Công ty CP Giáo dục Hùng Hậu. |
| 3 | NQ 03.2021/NQ-HĐQT | 22/12/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty CPNN Hùng Hậu. |
| 4 | NQ 04.2021/NQ-HĐQT | 22/12/2020 | Thông qua việc bổ nhiệm Ông Từ Thanh Phụng thay thế ông Trần Thanh Hương giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, nhiệm kỳ 2020-2025. |
| 5 | NQ 05.2021/NQ-HĐQT | 22/12/2020 | Thông qua đơn xin từ nhiệm của Ông Từ Thanh Phụng – Tổng giám đốc, đơn xin từ nhiệm của Bà Huỳnh Thanh – Phó Tổng Giám đốc, thông qua việc bổ nhiệm Ông Tống Văn Tùng – Tổng Giám đốc và Bà Nguyễn Thị Nga – Phó Tổng Giám đốc. |
| 6 | NQ 06.2021/NQ-HĐQT | 31/12/2020 | Thông qua việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 20, Bộ địa chính Phường 10, Quận Tân Bình, TP.HCM. |
| 7 | NQ 07.2021/NQ-HĐQT | 25/01/2021 | Thông qua việc nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất thương mại H.H.C. |
| 8 | NQ 08.2021/NQ-HĐQT | 15/03/2021 | Thông qua chuyển đổi tên gọi Tiểu ban kiểm toán ("Ban kiểm toán nội bộ") thành Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2020. |
| 9 | NQ 09.2021/NQ-HĐQT | 05/05/2021 | Thông qua đơn xin từ nhiệm của Bà Nguyễn Thị Phương Như – Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, Bổ nhiệm ông Nguyễn Tú Kỳ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. |
| 10 | NQ Số 10.2021/NQ-HĐQT | 03/08/2021 | Thông qua Nghị quyết về việc nhận chuyển nhượng tài sản của Công ty cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu |



Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên điều hành các công việc trong công ty, thực hiện triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của HĐQT đến các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện.
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

» Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 16.237 triệu đồng, đạt 49,2% so với kế hoạch năm 2021 là 33 tỷ đồng.

» Về điều hành sản xuất và quản lý chất lượng: Thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm TCVN ISO 9001:2008; tiêu chuẩn BRC; ASC; HALAL; HACCP và theo tiêu chuẩn của khách hàng.

» Về chế độ chính sách cho người lao động: Công ty thực hiện đúng Luật lao động, hợp đồng lao động, việc chi trả lương/ thưởng theo đúng chính sách Công ty quy định.

» Về công tác tài chính: Công ty luôn có những quyết định tài chính đúng đắn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thành viên Ủy ban Kiểm toán

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------|-------------------------|
| 1 | Ông Tôn Thất Diên Khoa | Chủ tịch UBKT | Bắt đầu ngày 15/03/2021 |
| 2 | Bà Huỳnh Thanh | Thành viên UBKT | Bắt đầu ngày 15/03/2021 |
| 3 | Ông Từ Thanh Phụng | Thành viên UBKT | Bắt đầu ngày 15/03/2021 |

Các cuộc họp Ủy ban Kiểm toán

| Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|------------------------|-----------------|---|---|----------------------------|----------------------------------|
| Ông Tôn Thất Diên Khoa | Chủ tịch UBKT | Bắt đầu ngày 15/03/2021 | 02/02 | 100% | |
| Bà Huỳnh Thanh | Thành viên UBKT | Bắt đầu ngày 15/03/2021 | 02/02 | 100% | |
| Ông Từ Thanh Phụng | Thành viên UBKT | Bắt đầu ngày 15/03/2021 | 02/0 | 100% | |

Các hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

- Năm 2021, Ủy Ban Kiểm toán đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với mục đích thẩm định báo cáo tài chính từng quý.
- Ủy Ban Kiểm toán được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cuộc họp khác của Công ty.
- Ủy Ban Kiểm toán đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2021, cụ thể như sau:

» Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính 2021 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

» Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2021 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

» Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

» Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Lương, thưởng, Thù lao |
|-----|-----------------------|--|---------------------------|
| I | Hội đồng quản trị | | |
| 1 | Phan Thị Minh Nguyệt | Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT không điều hành | 72.000.000 |
| 2 | Từ Thanh Phụng | Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT không điều hành | 61.200.000 |
| 3 | Trần Thanh Hương | Thành viên HĐQT không điều hành | 54.000.000 |
| 4 | Tôn Thất Diên Khoa | Thành viên HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập | 54.000.000 |
| 5 | Huỳnh Thanh | Thành viên HĐQT | 54.000.000 |
| 6 | Tống Văn Tùng | Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc | 40.500.000 |
| II | Ban Điều hành | | |
| 1 | Tống Văn Tùng | Tổng Giám đốc | 669.613.150 |
| 2 | Từ Thanh Phụng | Tổng Giám đốc | 66.969.200 |
| 3 | Huỳnh Thanh | Phó Tổng Giám đốc | |
| 4 | Nguyễn Thị Phương Như | Phó Tổng Giám đốc | 230.634.783 |
| 5 | Nguyễn Tú Kỳ | Phó Tổng Giám đốc | 188.390.567 |
| 6 | Nguyễn Thị Nga | Phó Tổng Giám đốc | 308.505.137 |
| 7 | Nguyễn Văn Dol | Phó Tổng Giám đốc | 329.149.127 |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 02 – 03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 05 – 06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 07 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 08 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 09 – 33 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2021.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 28 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | |
|-------------------------|--------------|---------------------|
| Bà Phạm Thị Minh Nguyệt | Chủ tịch | |
| Ông Từ Thanh Phụng | Phó Chủ tịch | Từ ngày 15/12/2020 |
| Ông Trần Thanh Hương | Phó Chủ tịch | Đến ngày 15/12/2020 |
| Ông Từ Thanh Phụng | Thành viên | Đến ngày 15/12/2020 |
| Ông Trần Thanh Hương | Thành viên | Từ ngày 15/12/2020 |
| Ông Tống Văn Tùng | Thành viên | Từ ngày 26/12/2020 |
| Bà Huỳnh Thanh | Thành viên | |
| Ông Tôn Thất Diên Khoa | Thành viên | |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | |
|--------------------------|-------------------|---------------------|
| Ông Tống Văn Tùng | Tổng Giám đốc | Từ ngày 22/12/2020 |
| Ông Từ Thanh Phụng | Tổng Giám đốc | Đến ngày 22/12/2020 |
| Ông Tống Văn Tùng | Phó Tổng Giám đốc | Đến ngày 22/12/2020 |
| Bà Huỳnh Thanh | Phó Tổng Giám đốc | Đến ngày 22/12/2020 |
| Bà Nguyễn Thị Phương Như | Phó Tổng Giám đốc | Đến ngày 05/05/2021 |
| Ông Nguyễn Văn Dơi | Phó Tổng Giám đốc | |
| Bà Nguyễn Thị Nga | Phó Tổng Giám đốc | Từ ngày 22/12/2020 |
| Ông Nguyễn Tú Kỳ | Phó Tổng Giám đốc | Từ ngày 05/05/2021 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Tổng Văn Tùng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2021



Số: 04-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con, được lập ngày 01 tháng 12 năm 2021, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2021

Kiểm toán viên

Nguyễn Văn Tinh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3919-2017-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 618.111.253.989 | 655.945.777.880 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 5.467.950.812 | 3.232.799.481 |
| 1. Tiền | 111 | | 5.467.950.812 | 3.232.799.481 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 31.075.491.181 | 24.130.305.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 31.075.491.181 | 24.130.305.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 302.983.320.822 | 360.777.052.460 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 292.296.031.366 | 352.478.650.227 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 4.435.056.658 | 4.621.841.640 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 6.252.232.798 | 3.676.560.593 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 266.224.089.885 | 261.283.644.204 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 266.224.089.885 | 261.283.644.204 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 12.360.401.289 | 6.521.976.735 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 1.655.037.540 | 1.812.148.715 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 10.705.363.749 | 4.709.828.020 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 349.136.856.822 | 310.559.462.814 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 7.400.970.635 | 6.384.950.040 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5 | 7.400.970.635 | 6.384.950.040 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 256.557.281.052 | 242.120.704.152 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 140.637.388.030 | 121.756.673.991 |
| - Nguyên giá | 222 | | 234.098.092.089 | 204.671.864.164 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (93.460.704.059) | (82.915.190.173) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.9 | 21.818.858.591 | 25.039.140.442 |
| - Nguyên giá | 225 | | 28.571.606.675 | 38.186.047.767 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (6.752.748.084) | (13.146.907.325) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 94.101.034.431 | 95.324.889.719 |
| - Nguyên giá | 228 | | 102.281.820.014 | 102.281.820.014 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (8.180.785.583) | (6.956.930.295) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 8.162.945.534 | 5.062.154.722 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 8.162.945.534 | 5.062.154.722 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 34.475.500.000 | 34.475.500.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2 | 900.000.000 | 900.000.000 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2 | 31.325.500.000 | 31.325.500.000 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2 | 2.250.000.000 | 2.250.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 42.540.159.601 | 22.516.153.900 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7 | 42.540.159.601 | 22.516.153.900 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 967.248.110.811 | 966.505.240.694 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 676.289.389.938 | 674.574.311.851 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 593.038.542.111 | 593.096.704.347 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 72.399.811.078 | 112.614.355.804 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 2.597.987.019 | 2.715.036.938 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 9.094.655.458 | 13.265.721.388 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.619.608.651 | 10.277.919.449 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | 43.956.008 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.14 | 84.611.188 | - |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 7.175.487.484 | 12.879.376.624 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16 | 499.066.342.925 | 441.300.299.828 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 38.308 | 38.308 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 83.250.847.827 | 81.477.607.504 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.12 | 16.263.122.165 | - |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15 | 9.659.604.447 | 11.854.775.000 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.16 | 57.328.121.215 | 69.622.832.504 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 290.958.720.873 | 291.930.928.843 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 290.958.720.873 | 291.930.928.843 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 221.560.600.000 | 221.560.600.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 221.560.600.000 | 221.560.600.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 46.428.827.960 | 46.428.827.960 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (10.100.000) | (10.100.000) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 5.011.297.455 | 5.011.297.455 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 17.968.095.458 | 18.940.303.428 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 5.179.902.831 | 245.479.546 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 12.788.192.627 | 18.694.823.882 |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 967.248.110.811 | 966.505.240.694 |

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như
Ngày 01 tháng 12 năm 2021

Tổng Giám đốc



Tổng Văn Tùng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2021

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.122.182.236.604 | 1.071.875.813.356 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 776.012.248 | 750.768.295 |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.3 | 1.121.406.224.356 | 1.071.125.045.061 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.4 | 1.029.040.286.025 | 969.879.977.728 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 92.365.938.331 | 101.245.067.333 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.5 | 6.221.334.577 | 3.352.964.131 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.6 | 41.622.417.521 | 41.402.780.166 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 38.340.323.671 | 39.320.953.678 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.7a | 22.772.126.233 | 20.832.432.887 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7b | 17.179.456.275 | 19.304.998.352 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 17.013.272.879 | 23.057.820.059 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 311.857.650 | 1.183.780.379 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 1.121.834.663 | 527.810.502 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (809.977.013) | 655.969.877 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 16.203.295.866 | 23.713.789.936 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.10 | 3.415.103.239 | 5.018.966.054 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 12.788.192.627 | 18.694.823.882 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | | 12.788.192.627 | 18.694.823.882 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 71 | VI.11 | 563 | 823 |

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như

Ngày 01 tháng 12 năm 2021



Tổng Giám đốc

Tổng Văn Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2021

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|---------------------|---------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 16.203.295.866 | 23.713.789.936 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | 15.440.198.179 | 16.051.466.520 |
| - (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (131.731.990) | 616.285.052 |
| - (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (1.699.609.892) | (1.456.877.701) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 38.340.323.671 | 39.320.953.678 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 68.152.475.834 | 78.245.617.485 |
| - (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | 51.869.180.335 | 3.623.199.257 |
| - (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | (4.940.445.681) | (52.898.678.857) |
| - Tăng/(giảm) các khoản phải trả | 11 | (38.800.346.593) | 6.928.698.975 |
| - (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | (19.866.894.526) | 6.540.211.051 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (38.340.323.671) | (39.320.953.678) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (7.504.138.216) | (500.000.000) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (467.370.597) | (1.300.775.731) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 10.102.136.885 | 1.317.318.502 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (33.690.259.055) | (3.652.799.410) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 22 | 11.191.776.074 | 90.909.091 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (6.945.186.181) | (3.704.386.671) |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | 4.230.000.000 |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia | 27 | 1.535.973.528 | 1.380.307.868 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (27.907.695.634) | (1.655.969.122) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 1.095.313.822.106 | 1.024.143.710.932 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (1.054.567.809.734) | (1.009.736.229.244) |
| 3. Tiền trả nợ thuê tài chính | 35 | (7.414.657.221) | (6.911.331.308) |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (13.285.050.000) | (12.659.605.700) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 20.046.305.151 | (5.163.455.320) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 2.240.746.402 | (5.502.105.940) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 3.232.799.481 | 8.757.555.529 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (5.595.071) | (22.650.108) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 5.467.950.812 | 3.232.799.481 |

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Như

Ngày 01 tháng 12 năm 2021



Tổng Giám đốc

Tổng Văn Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 28 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất:

| Tên Công ty | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ lợi ích | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh |
|----------------------------------|--------------|---------------|--|---|
| Công ty con: | | | | |
| Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu | 65% | 100% | Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp | Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản |
| Công ty liên kết: | | | | |
| Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc | 30% | 30% | Lô CV-2, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 của năm nay.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

Các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

a) Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

b) Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty ghi nhận phần tỷ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 40 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 – 12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 04 – 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 – 06 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 32 – 44 năm |
| - Chương trình phần mềm | 05 – 08 năm |

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

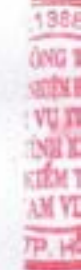
| | |
|-----------------------|-------------|
| - Máy móc và thiết bị | 07 – 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 08 năm |

8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

TRƯỜNG
VĂN
TOÁN
ĐƠN
TÀI
CHÍNH

TRƯỜNG
VĂN
TOÁN
ĐƠN
TÀI
CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hạ hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định;
- Chi phí phải trả;
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 1.633.766.418 | 2.446.229.381 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 3.834.184.394 | 786.570.100 |
| Cộng | 5.467.950.812 | 3.232.799.481 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính

| | Số cuối năm | | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | |
| a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 33.325.491.181 | 33.325.491.181 | |
| - Ngắn hạn | 31.075.491.181 | 31.075.491.181 | |
| + Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh các khoản vay | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 | |
| + Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng | 17.075.491.181 | 17.075.491.181 | |
| - Dài hạn | 2.250.000.000 | 2.250.000.000 | |
| + Trái phiếu (250 trái phiếu của AGR kỳ hạn đến 24/9/2026) | 250.000.000 | 250.000.000 | |
| + Trái phiếu (200 trái phiếu của BIDV kỳ hạn 7 năm) | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 | |
| b) Đầu tư tài chính dài hạn | 32.225.500.000 | | |
| - Góp vốn liên doanh | 900.000.000 | | |
| + Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc | 30% 900.000.000 | (*) | 30% |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | 31.325.500.000 | | |
| + Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP) | 159.520.000 | 261.931.840 | |
| + Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP) | 65.980.000 | (*) | |
| + Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu | 17% 30.600.000.000 | (*) | 17% |
| + Quỹ trái tim Hùng Hậu | 500.000.000 | (*) | |
| Cộng | 65.550.991.181 | | |

(*) Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 292.296.031.366 | 352.478.650.227 |
| Phải thu khách hàng trong nước | 280.117.291.322 | 336.818.392.261 |
| Phải thu khách hàng nước ngoài | 12.178.740.044 | 15.660.257.966 |

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ứng trước nhà cung cấp xây dựng - Công ty CP Xây dựng Phát Triển Miền Tây | - | 160.456.027 |
| Các đối tượng khác | 4.435.056.658 | 4.461.385.613 |
| Cộng | 4.435.056.658 | 4.621.841.640 |

5. Phải thu khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 6.252.232.798 | 3.676.560.593 |
| Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên | 3.908.481.959 | 1.649.395.760 |
| Phải thu khác | 2.343.750.839 | 2.027.164.833 |
| b) Dài hạn | 7.400.970.635 | 6.384.950.040 |
| Kỳ quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam | 6.201.279.000 | 5.637.758.800 |
| Thuế GTGT tài sản thuê tài chính | 1.170.706.635 | 718.206.240 |
| Phải thu khác | 28.985.000 | 28.985.000 |
| Cộng | 13.653.203.433 | 10.061.510.633 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.473.215.075 | - | 3.101.676.426 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 3.526.749.814 | - | 2.746.034.456 | - |
| Thành phẩm | 259.224.124.996 | - | 255.435.933.322 | - |
| Cộng | 266.224.089.885 | - | 261.283.644.204 | - |

7. Chi phí trả trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 1.655.037.540 | 1.812.148.715 |
| Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ | 224.653.180 | 245.486.626 |
| Tiền thuê đất | 981.851.182 | 1.078.777.662 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 231.835.481 | 196.208.475 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 216.697.697 | 291.675.952 |
| b) Dài hạn | 42.540.159.601 | 22.516.153.900 |
| Tiền thuê đất | 41.953.040.642 | 21.760.552.905 |
| Chi phí sửa chữa | 541.796.459 | 755.600.995 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 45.322.500 | - |
| Cộng | 44.195.197.141 | 24.328.302.615 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Đơn vị tính: VND | |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | | | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Số dư đầu năm | 123.897.442.814 | 71.650.903.723 | 6.943.817.755 | 2.179.699.872 | 204.671.864.164 | 204.671.864.164 |
| Số tăng trong năm | 27.000.000.000 | 16.741.963.847 | 6.777.392.034 | - | 50.519.355.881 | 50.519.355.881 |
| - Mua trong năm | - | 609.552.000 | 2.105.064.092 | - | 2.714.616.092 | 2.714.616.092 |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | 27.000.000.000 | - | - | - | 27.000.000.000 | 27.000.000.000 |
| - Tăng từ tài sản thuế tài chính | - | 16.132.411.847 | 4.672.327.942 | - | 20.804.739.789 | 20.804.739.789 |
| Số giảm trong năm | - | 15.927.971.650 | 5.165.156.306 | - | 21.093.127.956 | 21.093.127.956 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | 15.927.971.650 | 5.165.156.306 | - | 21.093.127.956 | 21.093.127.956 |
| Số dư cuối năm | 150.897.442.814 | 72.464.895.920 | 8.556.053.483 | 2.179.699.872 | 234.098.092.089 | 234.098.092.089 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 29.659.275.145 | 45.824.395.972 | 5.424.884.825 | 2.006.634.231 | 82.915.190.173 | 82.915.190.173 |
| Số tăng trong năm | 4.880.176.132 | 12.101.611.342 | 3.826.906.865 | 173.065.641 | 20.981.759.980 | 20.981.759.980 |
| - Khấu hao tăng trong năm | 4.880.176.132 | 5.231.110.096 | 655.239.855 | - | 10.766.528.083 | 10.766.528.083 |
| - Tăng từ tài sản thuế tài chính | - | 6.872.309.039 | 3.171.667.010 | - | 9.843.976.049 | 9.843.976.049 |
| - Phân loại lại | - | 198.192.207 | - | 173.065.641 | 371.257.848 | 371.257.848 |
| Số giảm trong năm | 371.257.848 | 6.425.847.872 | 3.639.140.374 | - | 10.436.246.094 | 10.436.246.094 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | 6.425.847.872 | 3.639.140.374 | - | 10.064.988.246 | 10.064.988.246 |
| - Phân loại lại | 371.257.848 | - | - | - | 371.257.848 | 371.257.848 |
| Số dư cuối năm | 34.168.193.429 | 51.500.159.442 | 5.612.651.316 | 2.179.699.872 | 93.460.704.059 | 93.460.704.059 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 94.238.167.669 | 25.826.507.751 | 1.518.932.930 | 173.065.641 | 121.756.673.991 | 121.756.673.991 |
| Tại ngày cuối năm | 116.729.249.385 | 20.964.736.478 | 2.943.402.167 | - | 140.637.388.030 | 140.637.388.030 |

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

| | Đơn vị tính: VND | | |
|-------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Cộng |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 33.513.719.825 | 4.672.327.942 | 38.186.047.767 |
| Số tăng trong năm | 9.618.230.659 | 1.572.068.038 | 11.190.298.697 |
| Chuyển sang tài sản cố định | 16.132.411.847 | 4.672.327.942 | 20.804.739.789 |
| Số dư cuối năm | 26.999.538.637 | 1.572.068.038 | 28.571.606.675 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 10.280.239.495 | 2.866.667.830 | 13.146.907.325 |
| Khấu hao tăng trong năm | 2.854.069.562 | 595.747.246 | 3.449.816.808 |
| Chuyển sang tài sản cố định | 6.672.309.039 | 3.171.667.010 | 9.843.976.049 |
| Số dư cuối năm | 6.462.000.018 | 290.748.066 | 6.752.748.084 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 23.233.480.330 | 1.805.660.112 | 25.039.140.442 |
| Tại ngày cuối năm | 20.537.538.619 | 1.281.319.972 | 21.818.858.591 |

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Đơn vị tính: VND | | |
|-------------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm vi tính | Cộng |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 101.888.720.014 | 393.100.000 | 102.281.820.014 |
| Số tăng trong năm | - | - | - |
| Số giảm trong năm | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 101.888.720.014 | 393.100.000 | 102.281.820.014 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 6.682.519.816 | 274.410.479 | 6.956.930.295 |
| Khấu hao tăng trong năm | 1.184.671.824 | 39.183.464 | 1.223.855.288 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 7.867.191.640 | 313.593.943 | 8.180.785.583 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 95.206.200.198 | 118.689.521 | 95.324.889.719 |
| Tại ngày cuối năm | 94.021.528.374 | 79.506.057 | 94.101.034.431 |

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------|----------------|
| Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay | 92.152.571.474 | 93.337.243.298 |

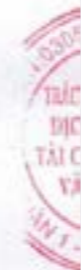
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza | 1.878.034.091 | 1.878.034.091 |
| Chi phí mở rộng Văn phòng 613 Âu Cơ | 3.744.766.649 | 1.482.054.830 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác | 2.540.144.794 | 1.702.065.801 |
| Cộng | 8.162.945.534 | 5.062.154.722 |

12. Phải trả người bán

| | Đơn vị tính: VND | | | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Phải trả người bán ngắn hạn | 72.399.811.078 | 72.399.811.078 | 112.614.355.804 | 112.614.355.804 |
| Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM | 3.516.787.800 | 3.516.787.800 | 7.120.360.544 | 7.120.360.544 |
| Công ty TNHH Hùng Cá | - | - | 24.812.852.500 | 24.812.852.500 |
| Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu | 37.481.534.912 | 37.481.534.912 | 848.031.383 | 848.031.383 |
| Công ty TNHH USFEED | 6.000.000.020 | 6.000.000.020 | - | - |
| Các đối tượng khác | 25.401.488.346 | 25.401.488.346 | 79.833.111.377 | 79.833.111.377 |
| b) Phải trả người bán dài hạn | 16.263.122.165 | 16.263.122.165 | - | - |
| Công ty TNHH Hùng Cá | 3.894.163.000 | 3.894.163.000 | - | - |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Trần Hân | 6.843.722.507 | 6.843.722.507 | - | - |
| Các đối tượng khác | 5.525.236.658 | 5.525.236.658 | - | - |
| c) Phải trả người bán là các bên liên quan | | | | |
| Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1 | | | | |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Đơn vị tính: VND | | | |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Số đầu năm | Số phải nộp | Số đã nộp / được hoàn | Số cuối năm |
| Thuế giá trị gia tăng | 394.885.391 | - | 150.000.000 | 244.885.391 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.327.337.025 | 3.415.103.239 | 7.504.138.216 | 5.238.302.048 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 501.810.025 | 1.364.241.720 | 1.218.725.406 | 647.326.339 |
| Thuế tài nguyên | 38.162.880 | 45.179.840 | 81.817.600 | 1.525.120 |
| Tiền thuế đất | 2.950.725.427 | 3.051.812.979 | 3.092.722.486 | 2.909.815.920 |
| Các loại thuế khác | 52.800.640 | 8.000.000 | 8.000.000 | 52.800.640 |
| Cộng | 13.265.721.388 | 7.885.598.061 | 12.056.663.991 | 9.094.655.458 |

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|-------------------|------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 84.611.188 | - |
| Cộng | 84.611.188 | - |

15. Phải trả khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 7.175.487.484 | 12.879.376.624 |
| Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN | 3.557.116.013 | 6.791.480.149 |
| Cổ tức phải trả cho các cổ đông | 122.851.600 | 114.871.600 |
| Phải trả khác | 3.495.519.871 | 5.973.024.875 |
| b) Dài hạn | 9.659.604.447 | 11.854.775.000 |
| Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu | 5.659.604.447 | 7.854.775.000 |
| Cộng | 16.835.091.931 | 24.734.151.624 |

c) Phải trả khác là các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuế tài chính

| | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá trị | Giá trị |
| | Số có khả năng trả nợ | Số có khả năng trả nợ |
| | Tăng | Giảm |
| | Trong năm | Trong năm |
| a) Ngắn hạn | 499.066.342.925 | 441.300.299.828 |
| - Vay ngắn hạn (*) | 476.054.998.582 | 421.117.671.719 |
| + Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB) | 22.777.740.578 | 21.330.724.430 |
| + Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (Sacombank) | 171.380.880.000 | 149.584.327.000 |
| + Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) | 31.730.141.586 | 32.881.262.000 |
| + Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR) | 60.336.782.000 | 53.364.520.000 |
| + Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) | 184.829.924.075 | 148.489.711.533 |
| + Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank) | 4.999.530.343 | 4.967.126.756 |
| + Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam | - | 10.500.000.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (**) | 23.011.344.343 | 20.182.628.109 |
| + Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR) | 4.996.400.000 | 4.782.200.000 |
| + Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (Sacombank) | 9.100.116.000 | 10.840.116.000 |
| + Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam | 8.914.828.343 | 4.560.312.109 |
| Cộng | 522.077.687.268 | 461.482.327.937 |

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | | Đơn vị tính: VND |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | |
| | | | | | | | |
| b) Dài hạn (**) | 57.328.121.215 | 57.328.121.215 | 13.801.378.166 | 26.096.089.455 | 69.622.832.504 | 69.622.832.504 | |
| + Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR) | 19.995.700.000 | 19.995.700.000 | 1.492.100.000 | 4.996.400.000 | 23.500.000.000 | 23.500.000.000 | |
| + Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) | 33.315.798.000 | 33.315.798.000 | - | 9.330.516.000 | 42.646.314.000 | 42.646.314.000 | |
| + Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam | 4.016.623.215 | 4.016.623.215 | 12.309.278.166 | 11.769.173.455 | 3.476.518.504 | 3.476.518.504 | |
| Cộng | 556.394.464.140 | 556.394.464.140 | 1.131.087.816.506 | 1.085.616.484.698 | 510.923.132.332 | 510.923.132.332 | |

c) Vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

| Bên cho vay | Số hợp đồng vay | Thời hạn vay | Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm | | Phương thức đảm bảo |
|--|----------------------|--------------|--------------------------------|----------|---------------------|
| | | | USD | VND | |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) | LD1922500241 | 12 tháng | 163.103.182.000 | Thế chấp | |
| | LD1922500241 | 12 tháng | 365.300,00 | Thế chấp | |
| Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) | CVL.DN.2258.140621 | 6 tháng | 13.993.000.000 | Thế chấp | |
| | CVL.DN.2258.140621 | 6 tháng | 12.737.141.586 | Thế chấp | |
| | CVL.DN.2838.140621 | 12 tháng | 5.000.000.000 | Thế chấp | |
| | 1606-LAV-202000963 | 6 tháng | 60.336.782.000 | Thế chấp | |
| Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR) | | | | | |
| Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) | 01/2021/1777831/HĐTD | 12 tháng | 184.829.924.075 | Thế chấp | |
| Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB) | UOB/HCMC/CASL/20234 | 12 tháng | 22.777.740.578 | Tin chấp | |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank) | 71/2021/HĐTD/BCH/01 | 12 tháng | 4.999.530.343 | Tin chấp | |
| Cộng | | | 476.054.998.582 | | |

25

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn:

+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

| Bên cho vay | Số hợp đồng vay | Thời hạn vay | Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm | | Phương thức đảm bảo | |
|---|--------------------|--------------|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------|
| | | | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | | |
| | | | | | | VND |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) | LD1511700300 | 120 tháng | 3.200.040.000 | 8.266.370.000 | 11.466.410.000 | Thế chấp |
| | LD1623700088 | 60 tháng | 4.530.000.000 | 18.120.000.000 | 22.650.000.000 | Thế chấp |
| | LD1728500607 | 120 tháng | 1.370.076.000 | 7.159.828.000 | 8.529.904.000 | Thế chấp |
| Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR) | LAV201600721 | 120 tháng | 4.700.000.000 | 18.800.000.000 | 23.500.000.000 | Thế chấp |
| | 1606-LAV-202000812 | 60 tháng | 296.400.000 | 965.300.000 | 1.261.700.000 | Thế chấp |
| Cộng | | | 14.096.516.000 | 53.311.498.000 | 67.408.014.000 | |

+ Thuế tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuế như sau:

| Số hợp đồng thuế | Thời hạn thuế | Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm | |
|------------------|---------------|--------------------------------|-----------------------|
| | | Dưới 1 năm | Trên 1 năm |
| | | VND | VND |
| 2017-00028-001 | 60 tháng | 2.350.743.714 | - |
| 2019-00016-001 | 48 tháng | 291.916.632 | 207.285.670 |
| 2019-00057-001 | 48 tháng | 300.631.357 | 325.941.167 |
| 2021-00028-000 | 24 tháng | 5.971.536.640 | 3.483.396.378 |
| Cộng | | 8.914.828.343 | 4.016.623.215 |
| | | | 12.931.451.558 |

26



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

| 17. Vốn chủ sở hữu | Đơn vị tính: VND | | | | |
|--|------------------------|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu | Vốn góp của chủ sở hữu | Tổng cộng | | | |
| | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | | |
| | Cổ phiếu quỹ | Quý đầu tư phát triển | | | |
| | Cổ phiếu ưu đãi | chưa phân phối | | | |
| Số dư đầu năm trước | 211.012.440.000 | 46.428.827.960 | 4.508.887.768 | 24.899.803.456 | 286.839.859.184 |
| Tăng vốn trong năm trước | 10.548.160.000 | | | (10.548.160.000) | |
| - Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 10.548.160.000 | | | (10.548.160.000) | |
| Lãi trong năm trước | | | | 19.598.623.061 | 19.598.623.061 |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi | | | | (502.409.687) | (502.409.687) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | | 502.409.687 | | (502.409.687) | |
| Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2019 | | | | (12.660.140.400) | (12.660.140.400) |
| Giảm khác (thủ lao HDQT) | | | | (753.614.530) | (753.614.530) |
| Số dư cuối năm trước | 221.560.600.000 | 46.428.827.960 | 5.011.297.455 | 19.531.692.213 | 292.522.317.628 |
| Số dư đầu năm nay | 221.560.600.000 | 46.428.827.960 | (10.100.000) | 19.531.692.213 | 292.522.317.628 |
| Lãi trong năm nay | | | | 12.788.192.627 | 12.788.192.627 |
| Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2020 | | | | (13.293.030.000) | (13.293.030.000) |
| Giảm khác (thủ lao HDQT) | | | | (467.370.597) | (467.370.597) |
| Số dư cuối năm nay | 221.560.600.000 | 46.428.827.960 | (10.100.000) | 17.968.095.458 | 290.958.720.873 |

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần
Vốn góp của các cổ đông

| | Số cuối năm VND | % | Số đầu năm VND | % |
|-------------|------------------------|------------|------------------------|------------|
| | 113.630.340.000 | 51,286 | 108.219.380.000 | 48,844 |
| | 22.145.790.000 | 9,995 | 21.091.230.000 | 9,519 |
| | 85.784.470.000 | 38,718 | 92.249.990.000 | 41,637 |
| Cộng | 221.560.600.000 | 100 | 221.560.600.000 | 100 |

27

TP. HCM
SIEM
VIỆT
NAM
CÔNG
TY CỔ PHẦN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 221.560.600.000 | 211.012.440.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | 10.548.160.000 |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 221.560.600.000 | 221.560.600.000 |
| Cổ tức đã chia | 13.293.030.000 | 23.208.300.400 |

d) Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 22.156.060 | 22.156.060 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 22.156.060 | 22.156.060 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 22.156.060 | 22.156.060 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu mua lại | 1.010 | 1.010 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.010 | 1.010 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 22.155.050 | 22.155.050 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 22.155.050 | 22.155.050 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------|-------------|------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| + USD | 52.091,00 | 5.179,69 |
| + EUR | 194,87 | 194,87 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| a) Doanh thu | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ | 1.122.182.236.604 | 1.071.875.813.356 |
| Cộng | 1.122.182.236.604 | 1.071.875.813.356 |

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1

TP. HCM
SIEM
VIỆT
NAM
CÔNG
TY CỔ PHẦN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Chiết khấu thương mại | 115.617.924 | 11.066.073 |
| Hàng bán bị trả lại | 660.394.324 | 23.574.742 |
| Giảm giá hàng bán | - | 716.127.480 |
| Cộng | 776.012.248 | 750.768.295 |

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ | 1.121.406.224.356 | 1.071.125.045.061 |
| Cộng | 1.121.406.224.356 | 1.071.125.045.061 |

4. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|--------------------------|------------------------|
| Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ | 1.029.040.286.025 | 969.879.977.728 |
| Cộng | 1.029.040.286.025 | 969.879.977.728 |

5. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.535.973.528 | 734.979.307 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 4.685.361.049 | 2.617.984.824 |
| Cộng | 6.221.334.577 | 3.352.964.131 |

6. Chi phí tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 38.340.323.671 | 39.320.953.678 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 3.282.093.850 | 2.081.826.488 |
| Cộng | 41.622.417.521 | 41.402.780.166 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a) Chi phí bán hàng | 22.772.126.233 | 20.832.432.887 |
| Chi phí nhân viên | 6.159.727.539 | 5.582.564.333 |
| Chi phí hoa hồng | 1.050.732.326 | 7.309.989.710 |
| Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa | 14.096.152.485 | 6.136.219.016 |
| Các khoản chi phí bán hàng khác | 1.465.513.883 | 1.803.659.828 |
| b) Chi phí quản lý doanh nghiệp | 17.179.456.275 | 19.304.998.352 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 10.618.917.057 | 13.035.455.730 |
| Chi phí khấu hao | 432.414.407 | 321.081.099 |
| Các khoản chi phí quản lý khác | 6.128.124.811 | 5.948.461.523 |

8. Thu nhập khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------|--------------------|----------------------|
| Lãi từ thanh lý tài sản | 163.636.364 | 721.898.394 |
| Thu nhập khác | 148.221.286 | 461.881.985 |
| Cộng | 311.857.650 | 1.183.780.379 |

9. Chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------|----------------------|--------------------|
| Các khoản vi phạm | 865.716.968 | 482.404.964 |
| Chi phí khác | 256.117.695 | 45.405.538 |
| Cộng | 1.121.834.663 | 527.810.502 |

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 16.203.295.866 | 23.713.789.936 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.079.788.004 | 1.926.796.629 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 2.059.112.751 | 1.221.075.545 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| - Điều chỉnh lợi nhuận trước thuế do hợp nhất | 20.675.253 | 705.721.084 |
| Lợi nhuận tính thuế | 18.283.083.870 | 25.640.586.565 |
| Trong đó: | | |
| + Lợi nhuận tính thuế 15% | 4.830.270.694 | 2.183.025.174 |
| + Lợi nhuận tính thuế 20% | 13.452.813.176 | 23.457.561.391 |
| Trong đó: Lợi nhuận tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng BĐS | - | 15.228.836.227 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 3.415.103.239 | 5.018.966.054 |

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 12.788.192.627 | 18.694.823.882 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (319.704.816) | (467.370.597) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm (*) | 319.704.816 | 467.370.597 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 12.468.487.811 | 18.227.453.285 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 22.155.050 | 22.155.050 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**) | 563 | 823 |

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26/12/2020, Quý khen thưởng, phúc lợi và trích thù lao HĐQT, BKS tạm tính theo tỷ lệ 2,5% lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc trích Quý khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT, BKS trong năm 2021.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 929.059.491.802 | 903.804.938.054 |
| Chi phí nhân công | 61.921.921.343 | 83.242.142.883 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 15.440.198.179 | 16.051.466.520 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 47.435.992.349 | 35.190.458.674 |
| Chi phí khác bằng tiền | 12.004.813.694 | 18.196.312.025 |
| Cộng | 1.065.862.417.367 | 1.056.485.318.156 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng Quản Trị có tham gia điều hành và Ban Tổng Giám đốc là:

| Họ và tên | Chức vụ | | Năm nay VND |
|--------------------------|-------------------|---------------------|----------------------|
| Ông Tống Văn Tùng | Tổng Giám đốc | Từ ngày 22/12/2020 | 669.613.150 |
| Ông Từ Thanh Phụng | Tổng Giám đốc | Đến ngày 22/12/2020 | 66.969.200 |
| Bà Nguyễn Thị Phương Như | Phó Tổng Giám đốc | Đến ngày 05/05/2021 | 230.634.783 |
| Ông Nguyễn Văn Dôi | Phó Tổng Giám đốc | | 329.149.127 |
| Bà Nguyễn Thị Nga | Phó Tổng Giám đốc | Từ ngày 22/12/2020 | 308.505.137 |
| Ông Nguyễn Tú Kỳ | Phó Tổng Giám đốc | Từ ngày 05/05/2021 | 188.390.567 |
| Cộng | | | 1.793.261.964 |

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản Trị là:

| Họ và tên | Chức vụ | | Năm nay VND |
|-------------------------|--------------|--|--------------------|
| Bà Phạm Thị Minh Nguyệt | Chủ tịch | | 72.000.000 |
| Ông Từ Thanh Phụng | Phó Chủ tịch | | 61.200.000 |
| Ông Trần Thanh Hương | Thành viên | | 54.000.000 |
| Bà Huỳnh Thanh | Thành viên | | 54.000.000 |
| Ông Tôn Thất Diên Khoa | Thành viên | | 54.000.000 |
| Ông Tống Văn Tùng | Thành viên | | 40.500.000 |
| Cộng | | | 335.700.000 |

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch VND |
|-------------------------------------|---------------|--------------------|--------------------------|
| Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu | Bên liên quan | Doanh thu dịch vụ | 1.268.001.398 |

Cho đến ngày cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị khoản phải thu, (phải trả) VND |
|-------------------------------------|---------------|--------------------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu | Bên liên quan | Phải thu khách hàng Phải trả khác | 542.353.538 (4.000.000.000) |

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Xuất khẩu | 258.947.875.371 | 270.187.356.136 |
| Trong nước | 862.458.348.985 | 800.937.688.925 |
| Cộng | 1.121.406.224.356 | 1.071.125.045.061 |

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 đã được kiểm toán.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Như

Ngày 01 tháng 12 năm 2021



Tổng Giám đốc

Tống Văn Tùng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2021
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



VŨ QUANG CHÍNH